

MỤC LỤC

NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 1.....	2
NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 2.....	14
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	25
ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	32
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	39
TIẾNG ANH CƠ BẢN 1	45
TIẾNG ANH CƠ BẢN 2	55
TIẾNG ANH CƠ BẢN 3	67
TIN HỌC ỨNG DỤNG.....	77
GIÁO DỤC THỂ CHẤT I (Thể dục - Điền kinh).....	84
GIÁO DỤC THỂ CHẤT II (Cầu lông).....	90
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG.....	95
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	95
KHOA HỌC CƠ BẢN	95
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	95
ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	95
CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH.....	103
QUÂN SỰ CHUNG, CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG NGẮN VÀ SỬ DỤNG LƯU ĐẠN.....	112
HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN BINH CHUNG	120
NGHIỆP VỤ VĂN PHÒNG	125

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Chung cho các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 1

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 1

2. Mã học phần: PHI1001

3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 20 tiết

Thảo luận: 9 tiết

Kiểm tra: 1 tiết

Tự học: 60 tiết

4. Phân bổ thời gian:

Thời điểm thực hiện: học kỳ 1

Số tiết/ tuần: 2 tiết/ tuần

Tổng số tuần: 15 tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Giáo dục chính trị – Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Không

7. Mô tả học phần:

Ngoài chương Mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

8. Mục tiêu học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. *Về kiến thức:* Hiểu cơ sở lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

8.2. *Về kỹ năng:* Biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

8.3. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; có thái độ đúng đắn, có ý thức trách nhiệm góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Biết đấu tranh với những hành vi sai trái, sống thiếu trách nhiệm, thực dụng, vô

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

9.1. Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị ý kiến, hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

- Nhiệm vụ 2: Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9.2. Nội dung cần đạt

- Kiến thức:

Lí giải được vị trí của triết học trong kết cấu 3 bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin; phân tích được nội dung các nguyên lý, phạm trù, quy luật, vai trò của thực tiễn trong đời sống xã hội.

- Kỹ năng:

Hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng trong việc giải thích và cải tạo thế giới hiện thực.

- Thái độ:

Có niềm tin, lý tưởng cách mạng; có thái độ đúng đắn, có ý thức trách nhiệm góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình môn học Triết học Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội;

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị.

[4]. Tạp chí Triết học, tạp chí Lý luận chính trị...

11. Trang, thiết bị dạy - học:

Máy tính, máy chiếu, loa

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5	
	4,0 – 4,9	D	1,0	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Chương mở đầu: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Tổng số: 2 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thảo luận: 0 tiết; Tự học: 4 giờ

I. KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận lý luận cấu thành

1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin

Chủ nghĩa Mác-Lênin “là hệ thống quan điểm và học thuyết” khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và sự phát triển của V.I.Lênin; là sự kế thừa và phát triển những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại, trên cơ sở thực tiễn của thời đại; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người; là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học.

1.2. Ba bộ phận Lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin

- Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm hệ thống tri thức phóng phú về nhiều lĩnh vực, nhưng trong đó có ba bộ phận lý luận quan trọng nhất là: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Đối tượng, vị trí, vai trò và tính thống nhất của ba bộ phận Lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

2.1. Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác

- Điều kiện kinh tế-xã hội.
- Tiền đề Lý luận: Triết học cổ điển Đức, Kinh tế Chính trị học cổ điển Anh, Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.
- Tiền đề khoa học tự nhiên.

2.2. C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác

- C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình hình thành chủ nghĩa Mác
- C.Mác, Ph.Ăngghen với quá trình phát triển chủ nghĩa Mác

2.3. V.I Lênin với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới

- Bối cảnh lịch sử mới và nhu cầu bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác.
- Vai trò của V.I Lênin đối với việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới.

2.4. Chủ nghĩa Mác-Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin với cách mạng vô sản Nga (1917)
- Chủ nghĩa Mác-Lênin với phóng trào đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

II. ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

Đối tượng học tập, nghiên cứu “*Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*” là: “những quan điểm và học thuyết” của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I Lênin trong phạm vi những quan điểm, học thuyết cơ bản nhất thuộc ba bộ phận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin.

2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

2.1. Mục đích của việc học tập, nghiên cứu

- Học tập, nghiên cứu những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin là để xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng sáng tạo những nguyên lý đó trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin là để hiểu rõ *Cơ sở lý luận quan trọng nhất* của Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Học tập, nghiên cứu những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin để giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng tư tưởng của Đảng.
- Học tập, nghiên cứu Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin là để xây dựng niềm tin, lý tưởng cho sinh viên.

2.2. Một số yêu cầu cơ bản về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

- Học tập, nghiên cứu những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải theo nguyên tắc thường xuyên gắn kết những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn của đất nước và thời đại.
- Học tập, nghiên cứu những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải hiểu đúng tinh thần, thực chất của nó; tránh bệnh kinh viện, giáo điều trong quá trình học tập, nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý cơ bản đó trong thực tiễn.

- Học tập, nghiên cứu mỗi Nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin trong mối quan hệ với các Nguyên lý khác, mỗi bộ phận cấu thành trong mối quan hệ với các bộ phận cấu thành khác để thấy sự thống nhất phóng phú và nhất quán của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời cũng cần nhận thức các nguyên lý đó trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại.

Phần thứ nhất: THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Chương I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 12 giờ

I. CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

- Vấn đề cơ bản của triết học
- Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

2) Chủ nghĩa duy vật biện chứng- hình thức phát triển cao nhất của CN duy vật.

2.1. Chủ nghĩa duy vật chất phác

2.2. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

2.3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

II. QUAN ĐIỂM DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, Ý THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

1. Vật chất

1.1. Phạm trù vật chất

- Khái quát quan niệm của chủ nghĩa duy vật trước Mác về vật chất
- Định nghĩa của V.I.Lênin về vật chất; những nội dung cơ bản và ý nghĩa

1.2. Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất

- Vận động là phương thức tồn tại của vật chất.
- Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất.

1.3. Tính thống nhất vật chất của thế giới

- Luận điểm của Ph.Ăngghen về tính thống nhất vật chất của thế giới.
- Nội dung của tính thống nhất vật chất của thế giới.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

2. Ý thức

2.1. Nguồn gốc của ý thức

- Nguồn gốc tự nhiên của ý thức.
- Nguồn gốc xã hội của ý thức.

2.2. Bản chất và kết cấu của ý thức

- Bản chất của ý thức.
- Kết cấu của ý thức.

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

3.1. Vai trò của vật chất đối với ý thức

- Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau
- Vật chất là nguồn gốc của ý thức
- Vật chất quyết định ý thức

3.2. Vai trò của ý thức đối với vật chất

- Trang bị cho con người tri thức về thực tại khách quan, xác định mục tiêu, đề ra phương hướng, xây dựng kế hoạch... để thực hiện mục tiêu
- Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất thường diễn ra theo hai hướng: tích cực hoặc tiêu cực

3.3. Ý nghĩa phương pháp luận

- Tôn trọng khách quan; nhận thức và hành động theo quy luật khách quan.
- Phát huy năng động chủ quan; phát huy vai trò của tri thức khoa học và cách mạng trong hoạt động thực tiễn.
- Phòng, chống và khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí; chống chủ nghĩa kinh nghiệm.

Chương II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

Tổng số: 12 tiết, trong đó Lý thuyết: 9 tiết, Thảo luận: 3 tiết; Tự học: 24 giờ

I. PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

1.1. Phép biện chứng

- Sự đối lập giữa hai quan điểm biện chứng và siêu hình trong việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.
- Khái niệm phép biện chứng

1.2. Các hình thức cơ bản của phép biện chứng

- Phép biện chứng chất phác thời cổ đại
- Phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức
- Phép biện chứng duy vật

2. Phép biện chứng duy vật

- Khái niệm Phép biện chứng duy vật
- Đặc trưng cơ bản và vai trò của Phép biện chứng duy vật

II. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

- Khái niệm mối liên hệ và mối liên hệ phổ biến
- Những tính chất của mối liên hệ
- Ý nghĩa phương pháp luận

2. Nguyên lý về sự phát triển

- Khái niệm “phát triển”
- Những tính chất cơ bản của sự phát triển
- Ý nghĩa phương pháp luận

III. CÁC CẶP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Cái chung và cái riêng

- Phạm trù cái riêng và cái chung; cái đơn nhất
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa cái riêng, cái chung và cái đơn nhất.

- Ý nghĩa phương pháp luận

2. Bản chất và hiện tượng

- Phạm trù bản chất, hiện tượng.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng.
- Ý nghĩa phương pháp luận

3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

- Phạm trù cái tất nhiên và cái ngẫu nhiên
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên.
- Ý nghĩa phương pháp luận

4. Nguyên nhân và kết quả

- Phạm trù nguyên nhân và kết quả.
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

5. Nội dung và hình thức

- Phạm trù nội dung và hình thức
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức
- Ý nghĩa phương pháp luận

6. Khả năng và hiện thực

- Phạm trù khả năng và hiện thực
- Khái quát tính chất và mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực.
- Ý nghĩa phương pháp luận

IV. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

1.1. Khái niệm chất, lượng

- Khái niệm “chất”
- Khái niệm “lượng”

1.2. Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng

- Tính thống nhất giữa chất và lượng trong một sự vật
- Quá trình chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất.
- Quá trình chuyển hoá từ những sự thay đổi về chất thành những sự thay đổi về lượng.

1.3. Ý nghĩa phương pháp luận

2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

2.1. Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn

- Mâu thuẫn và mâu thuẫn biện chứng
- Tính khách quan, phổ biến và tính đa dạng của các loại mâu thuẫn

2.1. Quá trình vận động của mâu thuẫn

- Sự thống nhất, đấu tranh và chuyển hoá giữa các mặt đối lập
- Vai trò của mâu thuẫn đối với quá trình vận động và phát triển của sự vật

2.3. Ý nghĩa phương pháp luận

3. Quy luật phủ định của phủ định

3.1. Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó

- Khái niệm phủ định và phủ định biện chứng
- Hai đặc trưng cơ bản của phủ định biện chứng

3.2. Phủ định của phủ định

- Vai trò của phủ định biện chứng đối với các quá trình vận động, phát triển
 - Hình thức “phủ định của phủ định” của các quá trình vận động, phát triển

3.3. Ý nghĩa phương pháp luận

V. LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

1.1. Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn

- Khái niệm thực tiễn
- Các hình thức cơ bản của thực tiễn

1.2. Nhận thức và các trình độ nhận thức

- Khái niệm nhận thức
- Các trình độ nhận thức

1.3. Vai trò của thực tiễn với nhận thức

- Thực tiễn là cơ sở và mục đích của nhận thức
- Thực tiễn là động lực thúc đẩy quá trình vận động, phát triển của nhận thức
- Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm tính chân lý trong quá trình phát triển nhận thức
- Tính thống nhất biện chứng giữa thực tiễn và nhận thức
- Nguyên tắc thống nhất giữa thực tiễn và lý luận
- Ý nghĩa phương pháp luận

2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

2.1. Quan điểm của V.I Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

- Giai đoạn từ nhận thức cảm tính đến nhận thức Lý tính và mối quan hệ giữa chúng
- Giai đoạn từ nhận thức lý tính đến thực tiễn
- Khái quát tính quy luật chung của quá trình vận động, phát triển nhận thức: từ thực tiễn đến nhận thức – từ nhận thức đến thực tiễn – nhận thức,...
- Ý nghĩa phương pháp luận

2.2. Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn

- Khái niệm chân lý
- Các tính chất của chân lý: tính khách quan, tính tương đối, tính tuyệt đối và tính cụ thể
- Vai trò của chân lý đối với thực tiễn
- Ý nghĩa phương pháp luận

Chương III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

Tổng số: 9 tiết, trong đó Lý thuyết: 7 tiết, Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 18 giờ

I. VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUY LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

a) Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất

- Khái niệm sản xuất vật chất và các nhân tố cơ bản của quá trình SX vật chất
- Khái niệm phương thức sản xuất

b) Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội

- Vai trò quyết định của SX vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.
- Vai trò quyết định của phương thức sản xuất đối với trình độ phát triển của nền sản xuất và quá trình biến đổi, phát triển của toàn bộ đời sống xã hội.
- Tính thống nhất và tính đa dạng của quá trình biến đổi, phát triển các phương thức sản xuất trong lịch sử.
- Ý nghĩa phương pháp luận

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

2.1. Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Lực lượng sản xuất và các yếu tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất
- Quan hệ sản xuất và ba mặt của quan hệ sản xuất

2.2. Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Tính thống nhất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất
- Vai trò tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất
- Sự vận động của mâu thuẫn biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất với tư cách là nguồn gốc và động lực cơ bản của sự vận động, phát triển các phương thức sản xuất
- Ý nghĩa phương pháp luận

II. BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

2.1. Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng

- Khái niệm cơ sở hạ tầng
- Kết cấu của cơ sở hạ tầng

2.2. Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng

- Khái niệm kiến trúc thượng tầng
- Các yếu tố cơ bản hợp thành kiến trúc thượng tầng của xã hội
- Nhà nước - bộ máy tổ chức quyền lực đặc biệt của xã hội có đối kháng g/c

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

2.1. Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng

- Cơ sở hạ tầng quyết định nội dung và tính chất của kiến trúc thượng tầng; nội dung và tính chất của kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh đối với cơ sở hạ tầng.
- Cơ sở hạ tầng quyết định sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng; sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh đối với sự biến đổi của cơ sở hạ tầng.
- Ý nghĩa phương pháp luận

2.2. Vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

- Vai trò của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng
- Vai trò đặc biệt quan trọng của Nhà nước đối với cơ sở hạ tầng
- Hai xu hướng tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng
- Ý nghĩa phương pháp luận

III. TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội

- Khái niệm tồn tại xã hội và các nhân tố cơ bản cấu thành tồn tại xã hội
- Khái niệm ý thức xã hội và cấu trúc của ý thức xã hội (tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội; các hình thái ý thức xã hội).

1.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Tồn tại xã hội quyết định nội dung của ý thức xã hội; nội dung của ý thức xã hội là sự phản ánh đối với tồn tại xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội; sự biến đổi của ý thức xã hội là sự phản ánh đối với sự biến đổi của tồn tại xã hội.

2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

- Nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
- Ý nghĩa phương pháp luận

IV. HÌNH THÁI KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ-TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế-xã hội

- Khái niệm hình thái kinh tế-xã hội
- Kết cấu của hình thái kinh tế-xã hội

2. Quá trình lịch sử-tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế-xã hội

- Tính lịch sử- tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế- xã hội
- Vai trò của nhân tố chủ quan đối với tiến trình lịch sử
- Sự thống nhất biện chứng giữa nhân tố khách quan và nhân tố chủ quan đối với sự vận động, phát triển của xã hội
- Ý nghĩa phương pháp luận

V. VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI CÓ ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

1.1. Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội

- Khái niệm giai cấp
- Khái niệm tầng lớp xã hội

1.2. Nguồn gốc giai cấp

- Nguồn gốc trực tiếp
- Nguồn gốc sâu xa

1.3. Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

- Đấu tranh giai cấp và các hình thức đấu tranh giai cấp
- Nhà nước – công cụ chuyên chính giai cấp
- Vai trò của đấu tranh giai cấp với tư cách là phương thức và một trong những động lực cơ bản, trực tiếp của sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.

2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

2.1. Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội

- Khái niệm cách mạng xã hội và khái niệm cải cách xã hội
- Nguồn gốc của cách mạng xã hội

2.2. Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp

- Cách mạng xã hội là phương thức của sự vận động, phát triển xã hội có đối kháng giai cấp.
- Cách mạng xã hội là động lực của sự vận động, phát triển xã hội nhằm thay đổi chế độ xã hội đã lỗi thời chuyển lên chế độ xã hội mới cao hơn.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

VI. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

1. Con người và bản chất của con người

1.1. Khái niệm con người

- Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của con người
- Sự thống nhất biện chứng giữa hai mặt tự nhiên và xã hội trong hoạt động hiện thực của con người.

1.2. Bản chất của con người

- Luận điểm của C.Mác về bản chất con người
- Năng lực sáng tạo lịch sử của con người và các điều kiện phát huy năng lực sáng tạo của con người
- Giải phóng con người – giải phóng động lực cơ bản của sự phát triển XH

2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

2.1. Khái niệm quần chúng nhân dân

2.2. Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò của cá nhân trong lịch sử

- Quần chúng Nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử và là lực lượng quyết định sự phát triển lịch sử.
- Vai trò của cá nhân, vĩ nhân đối với sự phát triển của lịch sử.

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần	Định kỳ	Thi
----	------------	---------	-----

TC	Trọng số 10%						30%				60%			
	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1			1	2					1	1	1	1

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết.

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Nguyễn Thanh Hòa

Võ Thu Hằng

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Chung cho các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 2

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN 2

2. Mã học phần: PHI1002

3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 33 tiết

Thảo luận: 10 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Tự học: 90 tiết

4. Phân bổ thời gian:

Thời điểm thực hiện: học kỳ 2

Số tiết/ tuần: 3 tiết/ tuần

Tổng số tuần: 15 tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Giáo dục chính trị – Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

7. Mô tả học phần:

Nội dung học phần được cấu trúc thành 2 phần, 6 chương: Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

8. Mục tiêu học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

- Hiểu những khái niệm, nội dung cơ bản trong học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa như: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư và Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

- Hiểu những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội như: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

8.2. Về kỹ năng

Biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và nâng cao bản lĩnh chính trị.
- Có thái độ tích cực đấu tranh chống lại những mặt trái của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

9.1. Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị ý kiến, hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Nhiệm vụ 2: Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9.2. Nội dung cần đạt

- Kiến thức: Giải thích được các khái niệm, phạm trù cơ bản của Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học; Chứng minh được các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa vẫn có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn trong giai đoạn hiện nay; Phân tích được nội dung các vấn đề chính trị - xã hội cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Kỹ năng:

Hình thành tư duy kinh tế hiện đại; Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện...

- Thái độ: Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội; 2007

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội; 2007

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị.

11. Trang, thiết bị dạy - học:

Máy tính, máy chiếu, loa

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-

BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT- BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Phần thứ hai: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Chương IV: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

Tổng số: 7 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 14 giờ

I. ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI, ĐẶC TRƯNG VÀ ƯU THẾ CỦA SẢN XUẤT HÀNG HOÁ

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá

1.1. Phân công lao động xã hội

1.2. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất hay tính chất tư nhân của quá trình lao động

2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

2.1. Đặc trưng của sản xuất hàng hoá

2.2. Ưu thế của sản xuất hàng hoá

II. HÀNG HOÁ

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá

1.1. Khái niệm hàng hoá

1.2. Hai thuộc tính của hàng hoá

- Giá trị sử dụng của hàng hoá
- Giá trị của hàng hoá

1.3. Mối quan hệ giữa hai thuộc tính của hàng hoá

2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá

2.1. Lao động cụ thể

2.2. Lao động trừu tượng

3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá

3.1. Thước đo lượng giá trị hàng hoá

- Thời gian lao động cá biệt
- Thời gian lao động xã hội cần thiết

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá

- Năng suất lao động
- Cường độ lao động
- Mức độ phức tạp của lao động

III. TIỀN TỆ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ

1.1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị

1.2. Bản chất của tiền tệ

2. Chức năng của tiền tệ

2.1. Thước đo giá trị

2.2. Phương tiện lưu thông

2.3. Phương tiện thanh toán

2.4. Phương tiện cất trữ

2.5. Tiền tệ thế giới

IV. QUY LUẬT GIÁ TRỊ

1. Nội dung của quy luật giá trị

- Yêu cầu đối với sản xuất
- Yêu cầu đối với lưu thông

2. Tác động của quy luật giá trị

- Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động
- Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hoá người lao động thành kẻ giàu người nghèo.

Chương V: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

Tổng số: 10 tiết, trong đó Lý thuyết: 8 tiết, Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 20 giờ

I. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA TIỀN TỆ THÀNH TƯ BẢN

1. Công thức chung của tư bản

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

3. Hàng hóa sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

3.1. Hàng hoá sức lao động

- Điều kiện để cho sức lao động trở thành hàng hoá
- Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động

3.2. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản

- Bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản
- Hai hình thức cơ bản của tiền công trong chủ nghĩa tư bản
- Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

II. SỰ SẢN XUẤT RA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

1.1. Quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng trong chủ nghĩa tư bản

1.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến

2.1. Khái niệm tư bản

2.2. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

3. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản, Tư bản cố định và tư bản lưu động

3.1. Tuần hoàn của tư bản

3.2. Chu chuyển của tư bản

3.3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

4. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

4.1. Tỷ suất giá trị thặng dư

4.2. Khối lượng giá trị thặng dư

5. Hai phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

5.1. Sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối

5.2. Sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối

5.3. Giá trị thặng dư siêu ngạch

6. Sản xuất ra giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

III. SỰ CHUYỂN HÓA CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ THÀNH TƯ BẢN – TÍCH LŨY TƯ BẢN

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

2. Tích tụ và tập trung tư bản

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

IV. CÁC HÌNH THÁI BIỂU HIỆN CỦA TƯ BẢN VÀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

1.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa

1.2. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

- Lợi nhuận
- Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

2.1. *Cạnh tranh nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường.*

2.2. *Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân*

2.3. *Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất*

3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

3.1. *Tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp*

- Tư bản thương nghiệp

- Lợi nhuận thương nghiệp

3.2. *Tư bản cho vay và lợi tức*

- Tư bản cho vay

- Lợi tức và tỷ suất lợi tức

- Tín dụng tư bản chủ nghĩa; ngân hàng và lợi nhuận ngân hàng

3.3. *Công ty cổ phần, tư bản giả và thị trường chứng khoán*

- Công ty cổ phần

- Tư bản giả và thị trường chứng khoán

3.4. *Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa*

- Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp

- Bản chất của địa tô tư bản chủ nghĩa

- Các hình thức cơ bản của địa tô tư bản chủ nghĩa.

Chương VI: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

Tổng số: 7 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 14 giờ

I. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN

1. Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

2.1. *Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền*

2.2. *Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính*

2.3. *Xuất khẩu tư bản*

2.4. *Sự phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền*

2.5. *Sự phân chia thế giới về lãnh thổ giữa các cường quốc đế quốc*

3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

3.1. *Sự hoạt động của quy luật giá trị*

3.2. *Sự hoạt động của quy luật giá trị thặng dư*

II. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2. Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2.1. *Sự kết hợp về con người giữa các tổ chức độc quyền và bộ máy nhà nước*

2.2. *Sự hình thành và phát triển của sở hữu nhà nước*

2.3. Sự can thiệp của Nhà nước vào các quá trình kinh tế

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VAI TRỊ VÀ GIỚI HẠN LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

Phần thứ ba: LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương VII: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 6 tiết, Thảo luận; 2 tiết; Tự học: 16 giờ

I. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

1.1. Khái niệm giai cấp công nhân

- Quan niệm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin về g/c công nhân
- Quan niệm hiện nay về giai cấp công nhân

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2.1. Địa vị kinh tế-xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

- Địa vị kinh tế của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa
- Địa vị xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

2.2. Đặc điểm chính trị-xã hội của giai cấp công nhân

- Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất thời đại ngày nay
- Giai cấp công nhân là giai cấp có tính cách mạng triệt để nhất
- Giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao nhất
- Giai cấp công nhân có bản chất quốc tế

3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

3.1. Tinh tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính Đảng của giai cấp công nhân

- Quá trình phát triển của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân

- Tinh tất yếu xây dựng chính đảng của giai cấp công nhân

- Quy luật ra đời và phát triển của Đảng cộng sản

3.2. Mối quan hệ giữa Đảng cộng sản với giai cấp công nhân

- Giai cấp công nhân là cơ sở giai cấp của Đảng cộng sản
- Đảng Cộng sản là đội tiên phong chiến đấu, là lãnh tụ chính trị, là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân

II. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

1.1. Khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa

1.2. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa

2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa
- Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa
- Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

3.1. Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Tính tất yếu khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân
- Cơ sở khách quan (cơ sở kinh tế, chính trị,...) bảo đảm sự liên minh vững chắc và lâu dài giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

3.2. Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân
- Nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa g/c công nhân với giai cấp nông dân

III. HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Phương pháp luận cơ bản của việc dự báo xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.
- Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và nhu cầu tất yếu của sự thay thế hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.
- Sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn tới chuyên chính vô sản và sự xác lập hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

2.1. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Tính tất yếu và hai loại hình quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Đặc điểm và nội dung kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Đặc điểm và nội dung chính trị, văn hoá xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2.2. Chủ nghĩa xã hội

- Khái niệm chủ nghĩa xã hội.
- Những đặc trưng về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa xã hội.

2.3. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Khái niệm “giai đoạn cao” của xã hội cộng sản chủ nghĩa.
- Những đặc trưng về sự phát triển lực lượng sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hóa, con người ... ở giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chương VIII: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 6 tiết, Thảo luận: 2 tiết; Tự học: 16 giờ

I. XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Khái niệm dân chủ và nền dân chủ.
- Những đặc trưng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Khái niệm Nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

II. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

- Khái niệm văn hoá, nền văn hoá và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.
- Đặc trưng của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

- Tính tất yếu, nội dung và tính chất cơ bản của nền văn hoá XHCN.
- Xây dựng gia đình văn hóa xã hội chủ nghĩa - một trong những nội dung cơ bản của nhiệm vụ xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.
- Phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

- Khái niệm dân tộc; hai xu hướng phát triển của dân tộc và vấn đề dân tộc trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.

2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

- Khái niệm tôn giáo và vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng CN xã hội.
- Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

Chương IX: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thảo luận: 0 tiết; Tự học: 6 giờ

I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

1. Cách mạng Tháng mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới

1.1. Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)

- Sự thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga
- Bài học lịch sử từ cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại

1.2. Mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới

- Những thành công của mô hình chủ nghĩa xã hội theo kiểu Xô-viết với tư cách là mô hình chủ nghĩa xã hội đầu tiên trên thế giới.

- Bài học lịch sử từ mô hình chủ nghĩa xã hội theo kiểu Xô-viết

2. Sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và những thành tựu của nó

2.1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa

- Sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

- Sự ra đời và phát triển của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản ở thế kỷ XX.

2.2. Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực

- Những thành tựu về chính trị, văn hoá, xã hội

- Những thành tựu kinh tế

II. SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔ - VIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết

- Sự khủng hoảng của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết

- Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu

2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết

2.1. Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xô viết

2.2. Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp

- Đường lối hữu khuynh, cơ hội và xét lại

- Âm mưu “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc

III. TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

- Bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi.

- Các yếu tố xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện trong lòng xã hội tư bản.

- Tính đa dạng của các xu hướng phát triển của thế giới đương đại.

2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người

1.1. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội.

1.2. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn.

1.3. Đã xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần				Định kỳ		Thi	
	Trọng số 10%				30%		60%	
TC	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1			1	2					2	1	1	1

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết.

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành thảo luận.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Nguyễn Thanh Hòa

Võ Thu Hằng

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Chung cho các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2. Mã học phần: PHI1003

3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 33 tiết

Thảo luận: 10 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Tự học: 90 tiết

4. Phân bổ thời gian:

Thời điểm thực hiện: học kỳ 3

Số tiết/ tuần: 2 tiết/ tuần

Tổng số tuần: 15 tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Giáo dục chính trị – Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1,2

7. Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

8. Mục tiêu học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh

8.2. Về kỹ năng

Biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

9.1. Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị ý kiến, hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

- Nhiệm vụ 2: Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9.2. Nội dung cần đạt

- Kiến thức: Trình bày được nội dung cơ bản những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh; Phân tích, luận giải được nội dung, ý nghĩa những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Kỹ năng:

Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện...

- Thái độ:

Xác lập cơ sở lý luận, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu chính:

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hội đồng Trung ương (2006), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội

[3]. Ban tuyên giáo Trung ương (2008), *Tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập.

[5]. Các Nghị quyết, văn kiện của Đảng.

11. Trang, thiết bị dạy - học:

Máy tính, máy chiếu, loa

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT- BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5	
	4,0 – 4,9	D	1,0	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Chương mở đầu

**ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

Tổng số: 2 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 0 tiết; Tự học: 4 giờ

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh
3. Mối quan hệ môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận
2. Các phương pháp cụ thể

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Chương I

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Tổng số: 5 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 10 giờ

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở khách quan
2. Nhân tố chủ quan

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước
2. Thời kỳ từ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc
3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam
4. Thời kỳ từ 1930-1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng
5. Thời kỳ từ 1945-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới

Chương II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 6 giờ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc
2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc
5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực

KẾT LUẬN

Chương III

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 8 giờ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Con đường
2. Biện pháp

KẾT LUẬN

Chương IV

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 8 giờ

I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam
4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng – quy luật tồn tại và phát triển của Đảng
2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

KẾT LUẬN

Kiểm tra: 1 tiết

Chương V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 8 giờ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng
2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế
2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế
3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

KẾT LUẬN

Chương VI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 6 giờ

I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm về dân chủ
2. Thực hành dân chủ

II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước
3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ
4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả

KẾT LUẬN

Chương VII

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 12 giờ

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức
2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"

KẾT LUẬN

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1			1	2					1	1	1	1

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết.

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành thảo luận.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Nguyễn Thanh Hòa

Nguyễn Thanh Hòa

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Chung cho các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2. Mã học phần: PHI1004

3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 33 tiết

Thảo luận: 10 tiết

Kiểm tra: 2 tiết

Tự học: 90 tiết

4. Phân bổ thời gian:

Thời điểm thực hiện: học kỳ 4

Số tiết/ tuần: 3 tiết/ tuần

Tổng số tuần: 15 tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Giáo dục chính trị – Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc:

- Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2

- Tư tưởng Hồ Chí Minh

7. Mô tả học phần:

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) là học phần bắt buộc, nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức có hệ thống về Lịch sử Đảng CSVN, các đường lối, chính sách của Đảng, bổ sung những kiến thức phù hợp với thực tiễn của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Học phần giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương:

Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại.

8. Mục tiêu học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

Trình bày được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.

8.2. Về kỹ năng:

Giải thích được những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tính chủ động, khả năng làm việc độc lập và nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

9.1. Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị ý kiến, hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Nhiệm vụ 2: Suu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9.2. Nội dung cần đạt

- Kiến thức: Trình bày được hệ thống nội dung quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam; Phân tích, luận giải được chủ trương của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; Vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào quá trình học tập, rèn luyện.
- Kỹ năng: Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện...
- Thái độ: Có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

10. Tài liệu tham khảo:

10.1. Tài liệu chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Kinh tế học chính trị Mác - Lênin* (tái bản), Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

[4] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản), Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008

11. Trang, thiết bị dạy - học:

Máy tính, máy chiếu, loa

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5	
	4,0 – 4,9	D	1,0	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Chương mở đầu

ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tổng số: 2 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 0 tiết; Tự học: 4 giờ

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC

1. Phương pháp nghiên cứu

2. Ý nghĩa của học tập môn học

Chương I

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 6 giờ

I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

2. Hoàn cảnh trong nước

II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

1. Hội nghị thành lập Đảng

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng.

Chương II

ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

Tổng số: 5 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 10 giờ

I. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1939

1. Trong những năm 1930 - 1935

2. Trong những năm 1936 - 1939

II. CHỦ TRƯỞNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1939 ĐẾN NĂM 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Chương III

ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975)

Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thực hành: 3 tiết; Tự học: 16 giờ

I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 - 1954)

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

1. Giai đoạn 1954-1964

2. Giai đoạn 1965-1975

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương IV

ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ

Tổng số: 5 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 10 giờ

I. CÔNG NGHIỆP HOÁ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương V

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 8 giờ

I. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

II. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương VI

ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Tổng số: 5 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 10 giờ

I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975 – 1986)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị của Đảng

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương VII

**ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ;
GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 12 giờ

I. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ NỘI DUNG ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ

1. Thời kỳ trước đổi mới
2. Trong thời kỳ đổi mới

II. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯỞNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Thời kỳ trước đổi mới
2. Trong thời kỳ đổi mới

Chương VIII

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

Tổng số: 5 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 10 giờ

I. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử
2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1			1	2					2	1	1	1

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết.

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành thảo luận.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Nguyễn Thanh Hòa

Nguyễn Thanh Hòa

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học** Ngành: **Các chuyên ngành**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

2. Mã học phần: LAW1001

3. Số tín chỉ: 03

Học phần: Bắt buộc

Lý thuyết: 32 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 13 tiết

Tự học: 90 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 3

Số tiết/ tuần: 3 tiết

Tổng số tuần: 15 tuần.

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Pháp luật, khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Không

7. Mô tả học phần

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, có tính hệ thống về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và nhà nước và pháp Việt Nam nói riêng; hệ thống pháp luật các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nội dung cơ bản của ngành luật).

8. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

Nêu được hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, về hệ thống pháp luật Việt Nam; cung cấp hiểu biết về một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay và các vấn đề pháp luật thực định có liên quan.

8.2. Về kỹ năng:

Phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi trong học tập và cuộc sống; có khả năng vận dụng những kiến thức lý luận đã học để giải quyết các vấn đề có liên quan đến công việc của bản thân.

8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân và thái độ tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

9.1. Nhiệm vụ

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trước khi lên lớp.

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.
- Hoàn thành có kết quả các bài tập thực hành, tham gia tích cực trong các giờ học, xêmina.
- Làm các bài kiểm tra, thi học phần.

9.2. Nội dung cần đạt

- Kiến thức: Phân tích được các vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam, liên hệ thực tiễn. Phân biệt được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Hiểu được nội dung cơ bản của một số ngành luật chuyên ngành.
- Kỹ năng: Vận dụng các quy định của một số ngành luật để giải quyết những tình huống pháp lý thực tiễn.
- Thái độ: Tôn trọng pháp luật; tích cực đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật; có khả năng tự học và nghiên cứu luật.

10. Tài liệu tham khảo

- [1]. Tập bài giảng pháp luật đại cương, Tổ pháp luật, Trường ĐH Hạ Long, 2018;
- [2]. *Giáo trình Pháp luật đại cương dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành luật*, NXB trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. (Giáo trình được giới thiệu theo Công văn số 4450/BGDĐT-GDDH, ngày 20/8/2014).
- [3]. PGS.TS. Nguyễn Minh Đoan, *Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội
- [4]. TS. Lê Minh Toàn, *Giáo trình Pháp luật đại cương dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp*, NXB Chính trị Quốc gia, 2010.
- [5] *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật – Trường đại học luật Hà Nội*, năm 2010.
- [6] *Bài giảng Pháp luật kinh tế, Tổ pháp luật – Trường ĐH Hạ Long*, 2018.
- [7]. Hiến pháp năm 2013; Luật hành chính năm 2012; Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) ; Bộ luật lao động năm 2013; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phòng chống tham nhũng năm 2012, Luật doanh nghiệp 2015, Luật du lịch 2005 và các văn bản hướng dẫn ...

11. Trang, thiết bị dạy - học: Liệt kê trang bị, thiết bị dạy học để đảm bảo chất lượng dạy học HP và các yêu cầu về số lượng, chất lượng trang thiết bị kèm theo.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT- BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 12 giờ

1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước

1.1. Nguồn gốc

1.2. Bản chất

1.3. Đặc trưng

1.4. Hình thức

2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật

2.1. Nguồn gốc

2.2. Bản chất

2.3. Đặc trưng

3. Hệ thống pháp luật VN

3.1. Khái niệm

3.2. Các bộ phận trong quy phạm pháp luật

Chương II: QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 8 giờ

1. Quan hệ pháp luật

- 1.1. Khái niệm, đặc điểm
- 1.2. Các thành phần cấu thành
2. Vi phạm pháp luật
 - 2.1. Khái niệm, dấu hiệu
 - 2.2. Các yếu tố cấu thành
 - 2.3. Các loại vi phạm pháp luật
3. Trách nhiệm pháp lý
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Đặc điểm
 - 3.3. Phân loại

Chương III. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, Ý THỨC PHÁP LUẬT, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 6 giờ

1. Thực hiện pháp luật
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật
2. Ý thức pháp luật
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Cơ cấu và phân loại ý thức pháp luật
 - 2.3. Vấn đề nâng cao ý thức pháp luật hiện nay
3. Pháp chế xã hội chủ nghĩa
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Những nguyên tắc cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa
 - 3.3. Tăng cường pháp chế XHCN.

Chương IV. LUẬT NHÀ NƯỚC

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 6 giờ

1. Khái niệm Luật nhà nước
2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 (chế độ chính trị, KT; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân; bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam).

Chương V. PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 6 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 16 giờ

1. Pháp luật hình sự
 - 1.1. Khái niệm và vai trò của pháp luật hình sự
 - 1.2. Nội dung cơ bản của Luật hình sự: Tội phạm (khái niệm, dấu hiệu, đặc trưng, phân loại); Hình phạt
2. Pháp luật hành chính

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh
- 2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính

Chương VI. PHÁP LUẬT DÂN SỰ VÀ PHÁP LUẬT HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Tổng số: 8 tiết, trong đó Lý thuyết: 6 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 16 giờ

1. Pháp luật dân sự
 - 1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh
 - 1.2. Một số chế định cơ bản về Luật dân sự
 - 1.2.1. Quyền sở hữu
 - 1.2.2. Hợp đồng dân sự
 - 1.2.3. Quyền thừa kế (khái niệm, quy định chung về thừa kế, các loại thừa kế)
2. Luật hôn nhân gia đình
 - 2.1. Khái niệm Luật hôn nhân gia đình
 - 2.2. Những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân gia đình
 - 2.3. Một số nội dung cơ bản của Luật hôn nhân gia đình
 - 2.3.1. Chế định kết hôn
 - 2.3.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng
 - 2.3.3. Chấm dứt hôn nhân.

Chương VII. PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Tổng số: 6 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 2 tiết; Tự học: 12 giờ

1. Khái quát chung
 - 1.1 Khái niệm
 - 1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
2. Những nội dung cơ bản của luật lao động
 - 2.1. Hợp đồng lao động
 - 2.2. Tiền lương
 - 2.3. Bảo hiểm xã hội (Khái niệm, các loại, các chế độ BHXH).
 - 2.4. Kỷ luật lao động.

Chương VIII. PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 8 giờ

1. Những vấn đề cơ bản về tham nhũng
 - 1.1. Khái niệm tham nhũng
 - 1.2. Các hành vi tham nhũng
2. Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng
3. Tác hại của tham nhũng
4. Công tác phòng chống tham nhũng

- 4.1. Các giải pháp phòng chống tham nhũng
 4.2. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Chương IX. PHÁP LUẬT KINH TẾ; PHÁP LUẬT DU LỊCH

Tổng số: 3 tiết, trong đó Lý thuyết: 2 tiết, Thực hành: 1 tiết; Tự học: 6 giờ

A. Pháp luật kinh tế (các ngành không thuộc khối ngành DL, VH)

1. Khái quát chung về pháp luật kinh tế
 - 1.1. Khái niệm pháp luật kinh tế
 - 1.2. Thương nhân và hoạt động thương mại
2. Những nội dung cơ bản của pháp luật kinh tế
 - 2.1. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về các loại hình doanh nghiệp
 - 2.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại
 - 2.3. Sản phẩm doanh nghiệp.

B. Pháp luật du lịch (ngành Du lịch, Văn hóa)

1. Khái quát chung
2. Khu DL, điểm DL, tuyến DL, đô thị DL
3. Khách du lịch
4. Doanh nghiệp DL
5. Hướng dẫn viên

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1									2	1	1	1

1) Điểm chuyên cần: đánh giá trên cơ sở số tiết dự lớp, ý thức chuẩn bị bài học, tinh thần, thái độ học tập.

(2) Điểm đánh giá định kỳ, thường xuyên.

Số lượng bài kiểm tra: 1 (sau khi SV đã học xong chương trình)

(3) Điểm thi kết thúc học phần.

Hình thức thi: thi viết, trắc nghiệm.

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

**Trưởng bộ
môn**

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Bùi Văn Lợi

Bùi Văn Lợi

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về cách diễn đạt đơn giản các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ cơ bản gồm các từ, cụm từ đơn lẻ thuộc các tình huống cụ thể; dùng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản trong vốn ngữ pháp đã được học.

- CO2: Có thể phát âm đúng hệ thống phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. Có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc.

- CO4: Có khả năng nhận diện các từ, nhóm từ quen thuộc và các câu đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình và môi trường xung quanh. Có thể hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo. Viết được những cụm từ hoặc những câu đơn giản và những văn bản, biểu mẫu ngắn.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có thái độ nghiêm túc, ý thức trách nhiệm trong giờ học, chủ động tham gia các hoạt động cặp, nhóm, hay tự học;

- CO6: Nhận thức được hạn chế, điểm yếu của năng lực cá nhân; có quyết tâm tìm ra giải pháp khắc phục.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes-CLOs)

Khi học xong học phần, sinh viên có khả năng, như trình bày trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần "Tiếng Anh cơ bản 1"

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu thập và xử lý thông tin.	CO1, CO2, CO3
CLO2	Có thể đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề raras quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hàng ngày.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO3	Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè. Có thể viết những cụm từ, những câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Môi liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
CLO1			I		I						
CLO2			I		I						
CLO3			I		I						
CLO4						I					I
Tổng hợp HP			I		I	I					I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính

(1) Annette Capel, and Wendy Sharp, *Ket Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

5.2. Tài liệu tham khảo

(2) Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press

(3) Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press

(4) Collins A2+ Listening, Collins, 2014

(5) Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần học;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra giữa kì: 1 bài

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Kế hoạch dạy học được thể hiện trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Kế hoạch dạy học (Teaching Outline)

Week	No. of Hours	Content	Material	Session Outcome (SO)	Towards CLOs	Learning activities
1	4	Topic: Friends Listening Part 1 Speaking Part 1	(1) pages 8-13 (4) pages 24-26 (2) pages 30-31, 58-59	Know how to choose the correct answer in pictures with multiple choice questions. Appropriately respond with simple interviewing questions (speed, pronunciation and intonation)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
2	4	Reading Part 1 Writing Part 6	(2) pages 14,15, 40,41 (2) pages 23-24, 50-51	Know how to select the correct answer Identify words with similar meaning. Understand messages and notices. Identify appropriate lexical items and spelling.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
3	4	Topic: Shopping Listening Part 1 Speaking Part 1	(4) pages 84-85 (2) pages 88-89, 118-119	Listen for key words Understand conversations. Appropriately respond with simple interviewing questions (speed, pronunciation and intonation)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
4	4	Reading Part 1 Writing Part 6	(1) pages 14-17 (2) pages 14-15, 40-41 (2) pages 80-81, 110-111	Know how to select the correct answer Identify words with similar meaning. Understand messages and notices.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

				Identify words within a certain topic. Enlarge vocabulary topics		
5	4	Topic: Food and drinks Listening Part 2 Speaking Part 2	(1) pages 20-23 (4) pages 68-70 (2) pages 32-33, 60-61	Understand longer informal dialogues. Identify key information. Appropriately respond with simple interviewing questions (speed, pronunciation and intonation)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
6	4	Reading Part 2 Writing Part 7	(2) pages 16-17, 40-41 (2) pages 25, 42-43	Know how to select the correct answer. Identify appropriate vocabulary. Identify appropriate word with focus on structure and/or lexis.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
7	4	Progress test				
8	4	Topic: Past events Listening Part 2 Speaking Part 2	(1) pages 24-29 (2) pages 90-91, 120-121 (4) pages 16-19	Understand longer informal dialogues. Identify key information. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

9	4	Reading Part 2 Writing Part 7	(2) pages 70-71, 100-101 (2) pages 82-83, 112-113	Know how to select the correct answer. Identify appropriate vocabulary. Identify appropriate word with focus on structure and/or lexis.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
10	4	Topic: Animals Listening Part 3 Speaking Part 2	(1) pages 32-35 (2) pages 34-35, 62-63	Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
11	4	Reading Part 3 Writing Part 8	(2) pages 18-19, 44-45, 72-75, 102-105 (2) pages 26-27, 54-55, 84-85, 114-115	Understand functional language. Read and identify appropriate response. Read and write down appropriate words or numbers with focus on content and accuracy.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
12	4	Topic: Leisure and hobbies Listening Part 3 Speaking Part 2+3	(1) pages 38-41 (4) pages 76-79	Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information.	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work

			(2) pages 92-93, 121-122	Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)		Whole-class discussion
13	4	Reading Part 4 Writing Part 9	(2) pages 20-21, 46-47, 76-77, 106-107 (2) pages 28-29, 56-57	Read for detailed understanding and main idea(s). Write short messages, note or postcard. appropriately (style, grammar, structure).	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
14	4	Topic: Clothes Listening Part 4+5 Speaking Part 2+3	(1) pages 42-43, 44-47 (2) pages 36-37, 64-65	Understand longer neutral or informal dialogue. Identify key words and paraphrases. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending) Know and expand response appropriately	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
15	4	Topic: Entertainment Reading Part 5	(1) pages 50-53	Read and identify appropriate structural words (auxiliary verbs,	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work

		Writing Part 9	<p>(2) pages 22-23, 48-49</p> <p>(2) pages 86-87, 116-117</p>	<p>modal verbs, determiners, pronouns, prepositions, conjunctions ...)</p> <p>Undersatnd paraphrases</p> <p>Analyse to exclude the confusing answers</p> <p>Write appropriately (style, grammar, structure)</p>		<p>Group-work</p> <p>Whole-class discussion</p>
--	--	-----------------------	---	---	--	---

8. Phương pháp, kỹ thuật dạy – học

- Trên lớp: Thuyết trình, thảo luận, luyện tập;
- Tự học: Nghiên cứu, làm bài tập.
- Làm việc nhóm: Luyện tập theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, ..

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	0%	Ý thức tham gia học tập; mức độ hoàn thành các yêu cầu của giảng viên; độ tích cực phát biểu ý kiến	0%		CLO4	Theo dõi, đánh giá thực tế trong cả quá trình dạy học; là điều kiện thi cuối kỳ.
A2 Đánh giá cuối kỳ	100%	Năng lực tiếng Anh (4 kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết). Tiêu chí đánh giá dựa trên đặc tả năng lực bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)		x	CLO1, CLO2, CLO3	Sinh viên làm bài kiểm tra tiếng Anh năng lực- đề thi đánh giá chung toàn trường dành cho khối không chuyên tiếng Anh

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý

			thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Bài thi kết thúc học phần

Sinh viên làm bài thi đánh giá năng lực-Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên.

- Nội dung: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).
- Hình thức: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp cho 4 Kỹ năng
- Thời gian: Nghe khoảng 35 phút; Đọc - Viết 70 phút; Nói 10-12 phút/cặp SV

Trọng số các kỹ năng trong bảng dưới đây:

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Điểm tối đa
Nghe	25	$\approx 35'$	25
Đọc – Viết	56	70'	60
Nói	3 phần	10-12'lượt	15
Tổng			100

Điểm năng lực được sử dụng làm điểm Học phần và quy đổi sang thang 10 theo QĐ số 363/QĐ-ĐHHL ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 8 năm 2020

Khoa Ngoại ngữ

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thành Long

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Các ngành đào tạo trừ ngành Ngôn ngữ Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH CƠ BẢN 2

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần: NN601029

1.2. Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

1.3. Tên tiếng Anh: English (Elementary 2)

1.4. Số tín chỉ: 2

1.5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 0 tiết

- Thực hành: 60 tiết

- Tự học: 60 tiết

1.6. Quản lý, phụ trách học phần

- Khoa quản lý học phần: Khoa Ngoại ngữ

- Giảng viên phụ trách chính: Nguyễn Văn Anh

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: GV trong Bộ môn

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Tiếng Anh cơ bản 1

- Học phần song hành: Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Khi kết thúc HP, sinh viên sẽ có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

2.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives-Cos)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra.
- CO2: Có thể sử dụng các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khuyết thiếu.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có thể giao tiếp trong các tình huống đơn giản với các chủ học tập và cuộc sống hàng ngày. Nghe hiểu được những cuộc hội thoại đơn giản về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo đơn giản.
- CO4: Có thể đọc hiểu được những bài viết đơn giản về các sự kiện xã hội, quảng cáo, tiêu đề và nội dung bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể; Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 - 100 từ về những chủ đề quen thuộc về những chủ đề đã học (mô tả địa điểm, kể về một kỳ nghỉ...); có khả năng viết thư ngắn, không nghi thức như viết thư cho bạn bè, người thân hoặc viết bưu thiếp ...

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có thái độ nghiêm túc, ý thức trách nhiệm trong giờ học, chủ động tham gia các hoạt động cặp, nhóm, hay tự học;
- CO6: Nhận thức được hạn chế, điểm yếu của năng lực cá nhân; có quyết tâm tìm ra giải pháp khắc phục.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes-CLOs)

Khi học xong học phần, sinh viên có khả năng, như trình bày trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần “Tiếng Anh cơ bản 2”

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sinh viên có thể giao tiếp trong các tình huống đơn giản và quen thuộc; có thể tham gia một cuộc hội thoại đơn giản, mặc dù có thể không duy trì được một cuộc hội thoại lâu.	CO1, CO2, CO3
CLO2	Hiểu được các cụm từ quen thuộc liên quan đến cuộc sống xung quanh (thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, việc làm, ...); có thể nắm bắt được điểm chính trong các thông báo ngắn gọn, rõ ràng, và đơn giản.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO3	Sinh viên có thể đọc các văn bản rất ngắn và đơn giản, có thể tìm thấy thông tin cụ thể trong các tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, ghi chú, tin nhắn, thư ngắn và thời gian biểu; Có thể viết những ghi chú, tin nhắn ngắn gọn, đơn giản để diễn đạt các thông tin cơ bản của cuộc sống.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
CLO1			I		R						
CLO2			I		I						
CLO3			I		I						
CLO4						I					I
Tổng hợp HP			I		I	I					I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình chính

(1) Annette Capel, and Wendy Sharp, *Ket Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

5.2. Tài liệu tham khảo

(2) Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press

(3) Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press

(4) Collins A2+ Listening, Collins, 2014

(5) Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần học;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra giữa kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Kế hoạch dạy học được thể hiện trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Kế hoạch dạy học (Teaching outline)

Week	No. Of Hour	Content	Material	Session Outcome (SO)	Towards CLOs	Learning activities
1	4	Topic: Travel Listening Part 1 Speaking Part 1+2	(4) pages 80-83 (3) pages 18-19, 38-39 (1) pages 60-61	Know how to choose the correct answer in pictutes with multiple choice questions. Appropriately respond with simple interviewing questions (speed, pronunciation and intonation) Use appropriate speaking structure (starting, spaking and ending)	CLO1 CLO2 CLO4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
2	4	Reading Part 1 Writing Part 6	(1) pages 56-59 (3) pages 6, 16, 14, 34	Know how to select the correct answer Identify words with similar meaning. Understand messges and notices. Identify appropriate lexical items and spelling.	CLO3 CLO4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
3	4	Topic: Places and buildings Listening Part 2 Speaking Part 1+2	(1) pages 62-63 (3) pages 20,40	Understand longer informal dialogues. Indentify key information. Appropriately respond with simple interviewing questions (speed, pronunciation and intonation)	CLO1 CLO2 CLO4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

				Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)		
4	4	Reading Part 2,4 Writing Part 7	(1) pages 64-67 (3) pages 7, 15	Know how to select the correct answer Identify words with similar meaning. Identify appropriate word with focus on structure and/or lexis.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
5	4	Topic: Sport Listening Part 2 Speaking Part 2	(4) pages 72-75 (3) pages 60, 80	Understand longer informal dialogues. Identify key information. Appropriately respond with simple interviewing questions (speed, pronunciation and intonation)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
6	4	Reading Part 3, 4 Writing Part 6+7	(1) pages 68-71 (3) pages 14, 34, 35	Understand functional language. Read and identify appropriate response. Identify appropriate lexical items and spelling. Identify appropriate word with focus on structure and/or lexis.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
7	4	Progress test				
8	4	Topic: Family Listening Part 3	(1) pages 74-75 (4) pages 8-12 (3) pages 21-22	Understand longer informal dialogues. Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information.	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

		Speaking Part 2+3		Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)		
9	4	Reading Part 4 Writing Part 8	(1) pages 76-77, 96-97 (3) pages 30-31, 36	Know how to select the correct answer. Understand functional language. Read and identify appropriate response. Read for detailed understanding and main idea(s). Read and write down appropriate words or numbers with focus on content and accuracy.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
10	4	Topic: The weather Listening Part 2+3 Speaking Part 2+3	(1) pages 80-81, 84-85 (3) pages 27-29	Understand longer informal dialogues. Identify key information. Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

				<p>Know strategies to maintain the speech</p> <p>Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)</p>		
11	4	<p>Reading Part 5</p> <p>Writing Part 8</p>	<p>(1) pages 82-83</p> <p>(3) pages 12-13, 56,76</p>	<p>Read and identify appropriate structural words (auxiliary verbs, modal verbs, determiners, pronouns, prepositions, conjunctions ...)</p> <p>Read and write down appropriate words or numbers with focus on content and accuracy.</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>Individuals</p> <p>Pair-work</p> <p>Group-work</p> <p>Whole-class discussion</p>
12	4	<p>Topic: Books and studying</p> <p>Listening Part 4</p> <p>Speaking Part 2+3</p>	<p>(1) pages 86-87</p> <p>(4) pages 48-51</p> <p>(3) pages 50-51, 70-71</p>	<p>Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information.</p> <p>Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers)</p> <p>Know strategies to maintain the speech</p> <p>Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p>	<p>Individuals</p> <p>Pair-work</p> <p>Group-work</p> <p>Whole-class discussion</p>
13	4	<p>Reading Part 3+4</p> <p>Writing Part 9</p>	<p>(1) pages 88-91</p> <p>(3) pages 48-49, 17</p>	<p>Understand functional language.</p> <p>Read and identify appropriate response.</p> <p>Understand paraphrases</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p>	<p>Individuals</p> <p>Pair-work</p> <p>Group-work</p> <p>Whole-class discussion</p>

				Analyse to exclude the confusing answers Write short messages, note or postcard. Appropriately (style, grammar, structure).		
14	4	Topic: Jobs Listening Part 3+5 Reading Part 4+5	(1) pages 92-95 (3) pages 68-69, 12-13, 50-51, 32-33 (4) pages 60-63	Understand longer neutral or informal dialogue. Identify key words and paraphrases. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Read and identify appropriate structural words (auxiliary verbs, modal verbs, determiners, pronouns, prepositions, conjunctions ...)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
15	4	Topic: Transport Speaking Part 2+3 Writing Part 9	(10) pages 98-99 (3) pages 37, 57	Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending) Know and expand response appropriately Understand paraphrases. Analyse to exclude the confusing answers	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

				Write appropriately (style, grammar, structure)		
--	--	--	--	--	--	--

8. Phương pháp, kỹ thuật dạy – học

- Trên lớp: Thuyết trình, thảo luận, luyện tập;
- Tự học: Nghiên cứu, làm bài tập.
- Làm việc nhóm: Luyện tập theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, ..

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra – đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	0%	Ý thức tham gia học tập; mức độ hoàn thành các yêu cầu của giảng viên; độ tích cực phát biểu ý kiến	0%		CLO4	Theo dõi, đánh giá thực tế trong cả quá trình dạy học; là điều kiện thi cuối kỳ.
A2 Đánh giá cuối kỳ	100%	Năng lực tiếng Anh (4 kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết). Tiêu chí đánh giá dựa trên đặc tả năng lực bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)		x	CLO1, CLO2, CLO3	Sinh viên làm bài kiểm tra tiếng Anh năng lực- đề thi đánh giá chung toàn trường dành cho khối không chuyên tiếng Anh

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo

			viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Bài thi kết thúc học phần

Sinh viên làm thi đánh giá năng lực – Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên.

- Nội dung: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).
- Hình thức: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp cho 4 Kỹ năng
- Thời gian: Nghe khoảng 35 phút; Đọc – Viết 70 phút; Nói 10-12 phút/cặp SV

Trọng số các kỹ năng trong bảng dưới đây:

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Điểm tối đa
Nghe	25	$\approx 35'$	25
Đọc – Viết	56	70'	60
Nói	3 phần	10-12' lượt	15
Tổng			100

Điểm năng lực được sử dụng làm điểm Học phần và quy đổi sang thang 10 theo QĐ số 363/QĐ-ĐHHL ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 8 năm 2020

Khoa Ngoại ngữ

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

**TS. Nguyễn Thành
Long**

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

- CO2: Có thể dùng một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản như câu điều kiện loại 1, động từ nguyên thể chỉ mục đích, động từ nguyên thể có to, giới từ chỉ thời gian, nơi chốn...

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan đến khoa học, công nghệ, ngôn ngữ, sức khỏe ... Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại.

- CO4: Có thể hiểu các đoạn văn ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc, học tập và đời sống hàng ngày. Có thể viết được các mệnh đề, câu đơn giản và nối với nhau bằng các liên từ thường gặp: và, nhưng, vì.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có thái độ nghiêm túc, ý thức trách nhiệm trong giờ học, chủ động tham gia các hoạt động cặp, nhóm, hay tự học;

- CO6: Nhận thức được hạn chế, điểm yếu của năng lực cá nhân; có quyết tâm tìm ra giải pháp khắc phục.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes-CLOs)

Khi học xong học phần, sinh viên có khả năng, như trình bày trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần "Tiếng Anh cơ bản 3"

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sinh viên nghe hiểu, đọc hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp và những chủ đề khác như khoa học, công nghệ, ngôn ngữ, giao tiếp ... Có thể hiểu ý chính trong thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.	CO1, CO2, CO3
CLO2	Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hàng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống, giao tiếp đơn giản tuy không duy trì được cuộc hội thoại. Có thể viết tin nhắn hoặc thư đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO3	Sử dụng được các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây. Có thể viết một số cụm từ hoặc câu đơn giản nối với nhau bằng những liên từ đơn giản như: và, nhưng, bởi vì ...	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	CO5, CO6

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Môi liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
CLO1			I		R						
CLO2			I		R						
CLO3			I		I						
CLO4						I					I
Tổng hợp HP			I		R	I					I

5. Học liệu

(1) Annette Capel, and Wendy Sharp, *Key Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

5.2. Tài liệu tham khảo

(2) Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press

(3) Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press

(4) Collins A2+ Listening, Collins, 2014

(5) Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần học;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra giữa kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Kế hoạch dạy học được thể hiện trong bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Kế hoạch dạy học (Teaching outline)

Week	No. of Hour	Content	Material	Session Outcome (SO)	Towards CLOs	Learning activities
1	4	Topic: Science and Technology Listening Part 3 Speaking Part 2+3	(1) pages 106-109 (3) pages 21-22, 41-42	Understand longer informal dialogues. Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
2	4	Reading Part 5 Writing Part 7+8	(1) pages 104-105 (3) pages 35-36	Read and identify appropriate structural words (auxiliary verbs, modal verbs, determiners, pronouns, prepositions, conjunctions ...) Identify appropriate word with focus on structure and/or lexis. Read and write down appropriate words or numbers with focus on content and accuracy.	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

3	4	Topic: Health and fitness Listening Part 5 Speaking Part 2+3	(1) pages 112-113 (3) pages 24,44	Understand longer neutral or informal dialogue. Identify key words and paraphrases. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
4	4	Reading Part 3+5 Writing Part 6+9	(1) pages 110-111, 114-115 (3) pages 52-53, 54, 74, 37	Know how to select the correct answer. Understand functional language. Read and identify appropriate response. Read for detailed understanding and main idea(s). Understand messages and notices. Identify words within a certain topic. Enlarge vocabulary topics. Write short messages, note or postcard. appropriately (style, grammar, structure).	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
5	4	Topic: Language and communication Listening Part 2+5	(1) pages 116-117 (3) pages 64, 84	Understand longer neutral or informal dialogue. Listen for key information.	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work

		Speaking Part 2+3		Identify key words and paraphrases. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)		Whole-class discussion
6	4	Reading Part 5 Writing Part 9	(1) pages 118-119 (3) pages 72-73, 57,77	Read for detailed understanding and main idea(s). Understand paraphrases Analyse to exclude the confusing answers Write short messages, note or postcard. appropriately (style, grammar, structure).	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
7	4	Progress Test				
8	4	Topic: People Listening Part 4+5 Speaking Part 2+3	(1) pages 124-125 (3) pages 23, 43, 63	Take the “role” of one of the speakers and listen to identify key information. Identify key words and paraphrases. Appropriately speak using cue cards (speed, pronunciation, intonation, discourse makers) Know strategies to maintain the speech	CLO1 CLO2 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

				Use appropriate speaking structure (starting, speaking and ending)		
9	4	Reading Part 4+5 Writing Part 9	(1) pages 120-123 (3) pages 70-71, 57,77	Read and identify appropriate structural words (auxiliary verbs, modal verbs, determiners, pronouns, prepositions, conjunctions ...) Understand paraphrases Analyse to exclude the confusing answers Write short messages, note or postcard. appropriately (style, grammar, structure).	CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
10	4	Exam orientation Listening Parts 1,2,3 Speaking: Parts 1	Practice test	Apply skills to perform tasks in the exams Have correct/appropriate answers	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
11	4	Exam orientation Reading: Parts 1,2,3 Writing Part 6,7	Practice test	Apply skills to perform tasks in the exams Have correct/appropriate answers	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
12	4	Exam orientation Listening Parts 1,2,3 Speaking: Parts 2,3	Practice test	Apply skills to perform tasks in the exams Have correct/appropriate answers	CLO1 CLO2	Individuals Pair-work Group-work

					CLO3 CLO4	Whole-class discussion
13	4	Exam orientation Reading: Parts 1,2,3 Writing Part 6,7	Practice test	Apply skills to perform tasks in the exams Have correct/appropriate answers	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
14	4	Exam orientation Listening: Parts 4,5 Speaking: Parts 2,3	Practice test	Apply skills to perform tasks in the exams Have correct/appropriate answers	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion
15	4	Exam orientation Reading: Parts 4,5 Writing Parts 8,9	Practice test	Apply skills to perform tasks in the exams Have correct/appropriate answers	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion

8. Phương pháp, kỹ thuật dạy – học

- Trên lớp: Thuyết trình, thảo luận, luyện tập;
- Tự học: Nghiên cứu, làm bài tập.
- Làm việc nhóm: Luyện tập theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, ..

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	0%	Ý thức tham gia học tập; mức độ hoàn thành các yêu cầu của giảng viên; độ tích cực phát biểu ý kiến	0%		CLO4	Theo dõi, đánh giá thực tế trong cả quá trình dạy học; là điều kiện thi cuối kỳ.
A2 Đánh giá cuối kỳ	100%	Năng lực tiếng Anh (4 kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết). Tiêu chí đánh giá dựa trên đặc tả năng lực bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)		x	CLO1, CLO2, CLO3	Sinh viên làm bài kiểm tra tiếng Anh năng lực- đề thi đánh giá chung toàn trường dành cho khối không chuyên tiếng Anh

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động

			chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Bài thi kết thúc học phần

Sinh viên làm bài thi đánh giá năng lực - Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên.

- Nội dung: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).
- Hình thức: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp cho 4 Kỹ năng
- Thời gian: Nghe khoảng 35' phút; Đọc - Viết 70 phút; Nói 10-12 phút/cặp SV

Trọng số các kỹ năng trong bảng dưới đây:

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Điểm tối đa
Nghe	25	$\approx 35'$	25
Đọc – Viết	56	70'	60
Nói	3 phần	10-12' lượt	15
Tổng			100

Điểm năng lực được sử dụng làm điểm Học phần và quy đổi sang thang 10 theo QĐ số 363/QĐ-ĐHHL ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Khoa Ngoại ngữ

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Khoa học máy tính

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: TIN HỌC ỨNG DỤNG

2. Mã học phần: INT1001

3. Số tín chỉ: 2 (2TH)

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 15 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 45 tiết

Tự học: 30 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 1

Số tiết/ tuần: 4 tiết

Tổng số tuần/ học kỳ: 15 tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Khoa Công nghệ thông tin

6. Điều kiện ràng buộc: Không

7. Mô tả học phần

Học phần Tin học ứng dụng là học phần bắt buộc, nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp kiến thức, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng hệ điều hành và các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Bên cạnh đó, học phần trang bị một số kiến thức cơ bản về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Học phần cũng giới thiệu thêm các ứng dụng và rèn luyện một số kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, sinh viên có khả năng sử dụng máy tính phục vụ học tập, nghiên cứu và những công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này.

8. Mục tiêu học phần

Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

8.1. Về kiến thức

- Biết các khái niệm, chức năng cơ bản về hệ điều hành, các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (Soạn thảo văn bản, Bảng tính điện tử, Trình chiếu).

- Hiểu cách sử dụng và vận dụng được những thao tác cơ bản và biết một số kỹ thuật nâng cao của các phần mềm tin học văn phòng thông dụng.

- Biết khái niệm Internet, cách sử dụng trình duyệt web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử

- Biết khái niệm, cách xem và chia sẻ thông tin trên mạng cục bộ

8.2. Về kỹ năng

- Thành thạo các thao tác cơ bản với máy tính, biết cách sử dụng một số phần mềm thông dụng để thực hiện những công việc cần ứng dụng CNTT.

- Thành thạo thao tác cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trên các phần mềm Soạn thảo văn bản, Bảng tính điện tử, Trình chiếu.

- Sử dụng được trình duyệt Web thông dụng để tìm kiếm thông tin trên Internet và liên lạc qua thư điện tử.

- Thực hiện xem, lưu trữ, chia sẻ được thông tin qua mạng.

- Có thể ứng dụng các phần mềm tin học văn phòng và internet trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo

8.3. Về thái độ

Có ý thức học tập và rèn luyện, tích cực ứng dụng Công nghệ thông tin trong cuộc sống, trong học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp sau này.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

9.1. Nhiệm vụ

- Tìm hiểu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng

- Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9.2. Nội dung cần đạt

+ Kiến thức:

Có kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, làm việc với hệ điều hành, sử dụng trình duyệt Web, Internet, cách sử dụng trình duyệt web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử, cách xem và chia sẻ thông tin trên mạng cục bộ để ứng dụng vào thực tế.

Sử dụng thành thạo các thao tác cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trên các phần mềm tin học văn phòng (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint).

+ Kỹ năng:

Sử dụng thành thạo các thao tác cơ bản với máy tính, biết cách sử dụng một số phần mềm thông dụng, trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin trên Internet và liên lạc qua thư điện tử để thực hiện những công việc cần ứng dụng CNTT, thành thạo các thao tác cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trên các phần mềm Soạn thảo văn bản, Bảng tính điện tử, Phần mềm trình chiếu.

+ Thái độ: Tự học và phát triển kỹ năng phù hợp để có thể ứng dụng Công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp sau này.

10. Tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình, tài liệu chính

[1]. Nhóm tác giả khoa CNTT, *Tài liệu Tin học đại cương*, sản phẩm đề tài NCKH cấp trường năm 2014, lưu hành nội bộ.

10.2. Giáo trình tài liệu tham khảo

[2]. IIG Việt Nam (2011), *Microsoft Office Word 2010*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. IIG Việt Nam (2011), *Microsoft Office Excel 2010*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]. IIG Việt Nam (2011), *Microsoft Office PowerPoint 2010*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Trang thiết bị dạy – học: Máy chiếu, phòng máy tính.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5	

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
	Trung bình yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Chương 1: HỆ ĐIỀU HÀNH

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 1 tiết, Thực hành: 3 tiết; Tự học: 2 giờ

1.1. Giới thiệu

1.1.1. Khái niệm hệ điều hành

1.1.2. Các hệ điều hành thông dụng

1.2. Làm việc với hệ điều hành máy tính cá nhân giao diện đồ họa (Windows)

1.2.1. Desktop & Start Menu

1.2.2. Tổ chức thông tin trên bộ nhớ ngoài

1.2.2.1. Ổ đĩa, thư mục, tập tin và đường dẫn

1.2.2.2. Các thao tác với tập tin và thư mục

1.2.3. Cài đặt và gỡ bỏ ứng dụng

Chương 2: SOẠN THẢO VĂN BẢN

Tổng số: 20 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thực hành: 15 tiết; Tự học: 10 giờ

2.1. Giới thiệu phần mềm soạn thảo văn bản

2.1.1. Khái niệm Phần mềm soạn thảo văn bản

2.1.2. Một số loại phần mềm soạn thảo văn bản thông dụng

2.1.3. Khởi động và làm quen giao diện

2.2. Các thao tác cơ bản

2.2.1. Các thao tác với tập tin (file) văn bản

2.2.2. Chế độ gõ tiếng Việt và cách nhập văn bản

2.2.3. Các thao tác cơ bản trên ký tự: chọn, sao chép/cắt – dán

2.3 Định dạng văn bản

2.3.1. Định dạng trang in

2.3.2. Định dạng ký tự

2.3.3. Định dạng đoạn văn bản

2.3.3.1. Chỉnh khoảng cách dòng, đoạn

2.3.3.2. Đánh dấu và đánh số, tạo ký tự lớn ở đầu đoạn

2.3.3.3. Kẻ khung và tô nền

2.3.3.4. Định dạng Tabs

2.4. Chèn các đối tượng đặc biệt vào văn bản

2.3.1. Chèn ký tự đặc biệt, công thức toán học

2.3.2. Chèn hình ảnh vào văn bản

2.3.3. Tạo chữ nghệ thuật

2.3.4. Vẽ hình trên văn bản

2.5. Bảng biểu

- 2.4.1. Tạo bảng và nhập dữ liệu
- 2.4.2. Xóa bảng, hàng, cột
- 2.4.3. Thay đổi độ rộng cột và chiều cao hàng
- 2.4.4. Chèn thêm hàng, cột
- 2.4.5. Nhập và tách ô
- 2.4.6. Một số thao tác khác

2.6. Một số kỹ thuật nâng cao

- 2.5.1. Sử dụng chú thích trong tài liệu
- 2.5.2. Kỹ thuật trộn thư

CHƯƠNG 3: BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ

Tổng số: 16 tiết, trong đó Lý thuyết: 4 tiết, Thực hành: 12 tiết; Tự học: 8 giờ

- 3.1. Giới thiệu phần mềm bảng tính điện tử
 - 3.1.1. Khái niệm Bảng tính điện tử
 - 3.1.2. Một số loại phần mềm bảng tính điện tử thông dụng
 - 3.1.3. Khởi động và làm quen giao diện

3.2. Các thao tác cơ bản

- 3.1.1. Thao tác với file bảng tính và các trang tính
- 3.2.2. Thao tác với các dòng, cột: chọn, chỉnh kích thước, chèn thêm hoặc xóa
- 3.2.3. Định dạng dữ liệu
 - 3.2.3.1. Các kiểu dữ liệu cơ bản (Text, Number, Date)
 - 3.2.3.2. Cách định dạng dữ liệu
 - 3.2.3.3. Tìm kiếm và thay thế dữ liệu

3.3. Tính toán trên bảng

- 3.3.1. Công thức và các phép toán
- 3.3.2. Địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối
 - 3.3.2.1. Sử dụng hàm trong công thức
 - 3.3.2.1. Dạng tổng quát của các hàm
 - 3.3.2.2. Một số hàm cơ bản (ROUND, COUNT, SUM, AVERAGE, MAX, MIN, IF, COUNTIF, SUMIF, VLOOKUP, HLOOKUP)

3.4. Tạo biểu đồ

- 3.4.1. Chọn dữ liệu và lựa chọn loại biểu đồ
- 3.4.2. Chỉnh sửa biểu đồ

3.5. Dàn trang và in

- 2.5.1. Xem trước và chỉnh sửa trang in
- 2.5.2. Thực hiện in

3.6. Một số kỹ thuật nâng cao

- 3.5.1. Sắp xếp
- 3.5.2. Lọc dữ liệu

CHƯƠNG 4: PHẦN MỀM TRÌNH CHIẾU

Tổng số: 12 tiết, trong đó Lý thuyết: 3 tiết, Thực hành: 9 tiết; Tự học: 6 giờ

- 4.1. Giới thiệu phần mềm trình chiếu
 - 4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Một số loại phần mềm trình chiếu và phiên bản thông dụng

4.2. Tạo một trình chiếu đơn giản

4.2.1. Các thao tác với file

4.2.2. Tạo Slide mới và chọn kiểu bố trí nội dung

4.2.3. Tạo nội dung cho các Slide

4.2.4. Thay đổi kiểu hiển thị trong cửa sổ làm việc

4.3. Kỹ thuật cơ bản trong thiết kế bài trình chiếu

4.3.1. Kỹ thuật chọn mẫu thiết kế

4.3.2. Sử dụng hình ảnh và màu làm nền cho Slide

4.3.3. Tạo và thiết kế Slide Master

4.3.4. Kỹ thuật sử dụng siêu liên kết

4.3.5. Kỹ thuật đặt hiệu ứng cho Slide và các đối tượng trên Slide

4.4. Một số kỹ thuật nâng cao

4.4.1. Chỉnh sửa chi tiết các đối tượng đồ họa và đa phương tiện

4.4.2. Cách sử dụng các tùy chọn chi tiết của hiệu ứng đối tượng (Effect options)

4.4.3. Lựa chọn các thông số trình chiếu (Set up, Start slide Show)

CHƯƠNG 5: INTERNET

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 1 tiết, Thực hành: 3 tiết; Tự học: 2 giờ

5.1. Các khái niệm cơ bản về Internet

5.2. Web và trình duyệt Web

5.3. Xem, lưu trữ và tìm kiếm thông tin trên Internet

5.4. Thư điện tử

CHỦ ĐỀ: HƯỚNG NGHIỆP

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 1 tiết, Thực hành: 3 tiết; Tự học: 2 giờ

1. Kiến thức

Vận dụng các phần mềm Tin học văn phòng và khai thác Internet phục vụ hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo

2. Kỹ năng

Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng và Internet trong các hoạt động nghề nghiệp tùy theo ngành đào tạo:

+ Quản lý văn hoá: thiết kế trình chiếu cho một chương trình tổ chức sự kiện văn hóa-nghệ thuật, tìm kiếm thông tin về quản lý văn hóa...

+ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: thiết kế trình chiếu giới thiệu Tour du lịch và quảng bá trên Internet, sử dụng phần mềm quản lý khách sạn, ...

+ Ngôn ngữ Anh: sử dụng phần mềm phiên dịch, dịch qua mạng, ...

+ Ngôn ngữ Trung Quốc: sử dụng phần mềm phiên dịch, dịch qua mạng, ...

+ Khoa học máy tính: cài đặt phần mềm, điều chỉnh cấu hình hệ thống, ...

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần				Định kỳ		Thi	
	Trọng số 10%				30%		60%	
TC	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1									2	1	1	1
Liên hệ với 9.2											X		X	
											X		X	
											X		X	
											X		X	
	X													

Tích (X) nếu bài kiểm tra, đánh giá liên quan đến những nội dung cần đạt tại mục 9.2

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.

Hình thức thi: Thi trắc nghiệm (30%)

Thi thực hành (70%)

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: QTNH&DVAU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

GIÁO DỤC THỂ CHẤT I (Thể dục - Điền kinh)

1. Tên học phần: GIÁO DỤC THỂ CHẤT I (Thể dục - Điền kinh)

2. Mã học phần:PHG1001

3. Số tín chỉ: 1 **Học phần:** bắt buộc

- Số tiết trên lớp: 30 giờ (Lý thuyết: 2 giờ; Thực hành: 24 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

- Số giờ tự học: 4 giờ

4. Phân bố thời gian

- Số tiết/tuần: 2 giờ/tuần

- Tổng số tuần/học kỳ: 15 tuần

5. Bộ môn/Khoa phụ trách: Bộ môn Thể dục – Quân sự, Khoa Khoa học Cơ bản.

6. Học phần tiên quyết/học trước: không

7. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức: Lịch sử phát triển về TDTT, mục đích, nhiệm vụ và các hình thức GDTC, đề phòng chấn thương trong luyện tập TDTT. Một số bài tập thể dục cơ bản, các bài tập Điền kinh như kỹ thuật nhảy xa, kỹ thuật chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình.

8. Mục tiêu học phần:

Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

8.1. Về kiến thức

- Biết được GDTC trong các trường Đại học - Cao đẳng trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945 và hiện nay.

- Biết mục đích, nhiệm vụ và các hình thức GDTC.

- Biết đề phòng chấn thương trong tập luyện TDTT.

- Biết và thực hiện được một số bài tập thể dục

- Biết được tác dụng của luyện tập môn nhảy xa, nhảy cao, chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình.

- Biết và thực hiện được kỹ thuật cơ bản của các kỹ thuật nhảy xa, nhảy cao, chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình.

8.2. Về kỹ năng

Vận dụng các kiến thức để rèn luyện thân thể và phát triển phòng trào thể dục thể thao.

8.3. Thái độ

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức lớp học và giáo viên.

- Nghiêm túc tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện thể chất.

- Xây dựng được ý thức tự học, tự rèn luyện cơ thể để ổn định sức khoẻ góp phần thiết thực cho công tác học tập sinh hoạt rèn luyện bản thân có kết quả tốt.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trước khi lên lớp

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên theo quy định.

- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập theo yêu cầu bộ môn.

- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên trong từng buổi học.

- Làm đủ các bài kiểm tra, thi học phần

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính thức:

[1]. TS Vũ Đào Hùng – PTS Ng. Mậu Loan (1997). Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất. NXBGD

[2]. Ng. Kim Minh (chủ biên) (2004). Giáo trình Điền kinh. NXBĐHSP

[3]. Đặng Đức Thao (chủ biên) (1999). TD và PPDHTD Tập 1

10.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Vũ Đức Thu – Ng. Trương Tuấn (chủ biên) (2007). NXNĐHSP

[2]. Nguyễn Kim Minh - Nguyễn Trọng Hải - Trần Đồng Lâm - Đặng Ngọc Quang. Giáo trình điền kinh. NXB ĐHSP, 2004.

[3]. Nguyễn Ngọc Đông - Dương Nghiệp Chí - Nguyễn Thị Kim Cúc - Trần Phúc Phong. Điền kinh và thể dục. NXB thể dục thể thao, 1998.

11. Trang thiết bị dạy – học: sân chạy, hồ cát, cuốc, máy tính, máy chiếu, loa

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày

27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDDT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
		Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+
4,0 – 4,9	D		1,0	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

STT	Nội dung giảng dạy	Thời lượng
1	Thế dục <i>Trên lớp 2 tiết: Tự học 4 giờ</i>	
	1. Lý thuyết chung 1.1.Tóm tắt lịch sử phát triển chung về TĐTT TĐTT ở Việt Nam trong các trường Đại học trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945 và hiện nay. 1.2. Mục đích, nhiệm vụ và các hình thức GDTC - Khái niệm GDTC - Mục đích của GDTC trong các trường Đại học. - Nhiệm vụ của GDTC. - Các hình thức GDTC. 1.3. Đề phòng chấn thương trong luyện tập TĐTT - Nguyên nhân - Phương pháp phòng ngừa	2,0 tiết
	Tự học A. <i>Nội dung tự học</i> Nghiên cứu tài liệu về Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất.	4 giờ

	<i>B. Đánh giá nội dung tự học</i> Một bài thu hoạch về nội dung lí thuyết	
	2. Thực hành 2.1. Bài thể dục tay không 9 động tác 2.2. Bài tập thể dục với gậy 32 động tác 2.3. Bài tập thể dục với vòng 32 động tác	6,0 tiết 2,0 tiết 2,0 tiết 2,0 tiết
	Ôn tập – Kiểm tra	2,0 tiết
2	Điền kinh <i>Trên lớp 20 tiết (16 TH + 04 KT)</i>	20,0 tiết
	1. Chạy cự ly ngắn 1. Giới thiệu lịch sử phát triển, tác dụng chạy cự ly ngắn 2. Học chạy cự ly ngắn 100m - Kỹ thuật xuất phát thấp (có bàn đạp). - Kỹ thuật chạy giữa quãng (chạy lao). - Kỹ thuật phối hợp tay, chân và toàn thân. - Kỹ thuật về đích. - Kỹ thuật đánh đích. - Hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật chạy cự ly ngắn. - Kỹ thuật sau đánh đích (theo quán tính) - Ôn tập – kiểm tra	8 tiết
	2. Nhảy xa ưỡn 1. Giới thiệu lịch sử phát triển, tác dụng Nhảy xa 2. Ôn tập kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi đã học ở phổ thông 3. Học Nhảy xa kiểu ưỡn thân. - Giai đoạn chạy đà. - Giai đoạn giậm nhảy. - Giai đoạn trên không . - Giai đoạn rơi xuống đất - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ưỡn thân. - Ôn tập – kiểm tra	8 tiết
	3. Chạy cự ly trung bình 800m (nữ), 1500m (nam) (giới thiệu và cho SV tập thể lực vào cuối buổi tập) 3.1. Lịch sử phát triển. 3.2. Tác dụng của tập luyện chạy cự li trung bình	4 tiết

	<p>33. Các giai đoạn kỹ thuật và phương pháp giảng dạy chạy cự ly trung bình và việt dã.</p> <p>3.3.1. Các giai đoạn kỹ thuật</p> <p>3.3.2. Giai đoạn xuất phát và chạy lao sau xuất phát</p> <p>3.3.3. Giai đoạn giữa quãng</p> <p>3.3.4. Giai đoạn chạy về đích</p>	
3	Ôn tập - Kiểm tra	2,0 tiết

*** Ký hiệu viết tắt:**

Số tiết LT: Số tiết lý thuyết

Số tiết TH: Số tiết thực hành

Số tiết KT: Số tiết kiểm tra

TDDT: Thể dục thể thao

GDTC: Giáo dục thể chất

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1									2	1	1	1
Liên hệ với 9.2											x		x	
											x		x	
											x		x	
											x		x	
	x													

Tích (X) nếu bài kiểm tra, đánh giá liên quan đến những nội dung cần đạt tại mục 9.2

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%.

Hình thức thi: Thi thực hành

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: QTNH&DVAU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT II (Cầu lông)

1. Tên học phần: GIÁO DỤC THỂ CHẤT II (Cầu lông)

2. Mã học phần: PHG1002

3. Số tín chỉ: 1 Học phần: bắt buộc

- Số tiết trên lớp: 30 giờ (Lý thuyết: 2 giờ; Thực hành: 26 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

- Số giờ tự học: 4 giờ

4. Phân bố thời gian

- Số tiết/tuần: 2 giờ/tuần

- Tổng số tuần/học kỳ: 15 tuần

5. Bộ môn/Khoa phụ trách: Bộ môn Thể dục – Quân sự, Khoa Khoa học Cơ bản.

6. Học phần tiên quyết/học trước

Học phần học trước: PHG 1001

7. Mô tả học phần

Biết được tác dụng của tập luyện cầu lông, nắm bắt được nguyên lý và kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn cầu lông, luật cầu lông. Cách tổ chức và trọng tài giải phong trào.

8. Mục tiêu học phần

Kết thúc học phần này, sinh viên đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

8.1. Về kiến thức

- Lịch sử ra đời, sự phát triển môn cầu lông.

- Biết được tác dụng tập luyện môn cầu lông

- Hiểu và thực hiện được kỹ thuật, chiến thuật môn cầu lông

- Nắm được luật cầu lông, biết cách tổ chức và trọng tài giải phong trào cầu lông

8.2. Kỹ năng

- Vận dụng, thực hành cơ bản đúng các kỹ thuật cầu lông

- Biết vận dụng các kiến thức môn cầu lông vào rèn luyện thân thể

8.3. Thái độ

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức lớp học và giáo viên.

- Nghiêm túc tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện thể chất.

- Xây dựng được ý thức tự học, tự rèn luyện cơ thể để ổn định sức khoẻ góp phần thiết thực cho công tác học tập sinh hoạt rèn luyện bản thân có kết quả tốt.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trước khi lên lớp
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên theo quy định.
- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập theo yêu cầu bộ môn.
 - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên trong từng buổi học.
 - Làm đủ các bài kiểm tra, thi học phần

10. Học liệu

10.1. Giáo trình chính thức:

Trần Văn Vinh (chủ biên) - Giáo trình Cầu lông-NXB Đại học sư phạm năm 2004

10.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Thanh Sang - Tập đánh cầu lông - NXB TĐTT Hà Nội, 1992

[2]. Trường ĐH TĐTT Giáo trình môn học cầu lông, 1992

[3]. Tổng cục TĐTT Luật cầu lông, NXB TĐTT Hà Nội, 1995

[4]. Nguyễn Trương Tuấn - Bạn muốn đánh cầu lông giỏi, NXB TĐTT Hà Nội, 1996

12. Trang thiết bị dạy – học: Quả cầu lông, sân tập, máy tính, máy chiếu.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

STT	Nội dung giảng dạy	Thời lượng
1	<p>Lý thuyết: Trên lớp 2 tiết: Tự học 4 giờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. - Ý nghĩa, tác dụng tập luyện Cầu lông. - Nguyên lý kỹ thuật môn Cầu lông. - Kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu và sân bãi dụng cụ môn Cầu lông. - Chiến thuật cơ bản trong môn cầu lông. - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu lông. 	2,0 giờ
	<p>Tự học</p> <p>A. Nội dung tự học</p> <p>Nghiên cứu tài liệu về môn cầu lông</p> <p>B. Đánh giá nội dung tự học</p> <p>Một bài thu hoạch về nội dung lí thuyết</p>	4 giờ
2	<p>Thực hành</p> <p>1. Cách cầm vợt, cầm cầu và tư thế chuẩn bị cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách cầm vợt - Cách cầm cầu - Các tư thế chuẩn bị cơ bản <p>2. Kỹ thuật di chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di chuyển bước đơn - Di chuyển đa bước - Các bài tập kỹ thuật di chuyển <p>3. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh cầu thấp tay bên phải - Đánh cầu thấp tay bên trái - Một số bài tập kỹ thuật đánh cầu thấp tay 	26 giờ

	<p>4. Kỹ thuật đánh cầu cao tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh cầu trên đầu (cao xa) - Các bài tập kỹ thuật đánh cầu cao tay <p>5. Kỹ thuật giao cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cầu thuận tay - Giao cầu trái tay <p>6. Kỹ thuật đập cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bài tập phát triển kỹ năng đập cầu phải tay - Một số bài tập phát triển kỹ năng đập cầu trái tay <p>7. Chiến thuật đánh cầu</p> <p>7.1. Chiến thuật thi đấu đơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến thuật giao cầu - Một số bài tập chiến thuật thi đấu đơn <p>7.2. Chiến thuật thi đấu đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến thuật giao cầu - Chiến thuật phối hợp di chuyển 	
3	Ôn tập - Kiểm tra	2,0 tiết

*** Ký hiệu viết tắt:**

Số tiết LT: Số tiết lý thuyết

Số tiết TH: Số tiết thực hành

Số tiết KT: Số tiết kiểm tra

TDDT: Thể dục thể thao

GDTC: Giáo dục thể chất

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1									2	1	1	1
Liên hệ với 9.2											x		x	
											x		x	
											x		x	
											x		x	
	x													

Tích (X) nếu bài kiểm tra, đánh giá liên quan đến những nội dung cần đạt tại mục 9.2

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. . Hình thức thi: Thi thực hành

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trương bộ môn

Người soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học – Cao đẳng sư phạm

Ngành: Tất cả các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2. Mã học phần: CB601024

3. Số tín chỉ: 02

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 30 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 2 tiết

Tự học: 60 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ I

Số tiết/ tuần: ... tiết

Tổng số tuần: ... tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Thể dục – Quân sự, Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Sinh viên phải học xong phần kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh trung học phổ thông.

7. Mô tả học phần

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: Những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

8. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

- Giáo dục cho sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học, những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn

gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

- Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam vào công việc học tập và thực tiễn.

8.2. Về kỹ năng:

- Có khả năng nhận thức và đánh giá được những quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc;
- Có kỹ năng phát hiện, phân tích vấn đề kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam Trên cơ sở đó vận dụng vào học tập và thực tiễn
- Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm, nắm vững các nội dung đường lối quân sự của Đảng vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.

8.3. Về thái độ:

- Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.
- Luôn xác định động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
- Có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối quân sự của Đảng.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhiệm vụ 1: Thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy hiện hành, khi học GDQP-AN học sinh, sinh viên phải thực hiện những yêu cầu sau: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.
- Nhiệm vụ 2: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.
- Nhiệm vụ 3: Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

10. Tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 1) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)

10.2. Tài liệu tham khảo

- *Tài liệu tham khảo chính*: Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới,

- + Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...
- + Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
- + Bộ Tổng tham mưu, Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Chỉ thị 12 CT/Tw ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
- + Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng, 2003; Nghị định số 219/CP ngày 28/12/1961 của hội đồng chính phủ nay là CP); Nghị định Giáo dục quốc phòng – an ninh số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007.
- + Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2015

11. Trang, thiết bị dạy - học:

Phòng học, 01 bảng, 01 máy chiếu, tranh ảnh mô hình

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tổng số: 30 tiết, trong đó Lý thuyết: 30 tiết, Thảo luận: tiết; Tự học: 60 giờ

Bài 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC GDQP – AN

1. Đối tượng nghiên cứu

- 1.1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng
- 1.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng – an ninh
- 1.3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết

2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

- 2.1. Cơ sở phương pháp luận
- 2.2. Các phương pháp nghiên cứu

3. Giới thiệu về môn học Giáo dục Quốc phòng – An ninh

- 3.1. Đặc điểm môn học
- 3.2. Chương trình
- 3.3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất thiết bị dạy học
- 3.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

- 1.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh
- 1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

- 2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội
- 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

3. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bảo vệ Tổ quốc

- 3.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin về bảo vệ Tổ quốc

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc

Bài 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

1.1. Vị trí

1.2. Đặc trưng

2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

2.1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

2.3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng – an ninh ngày càng vững mạnh

2.4. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững chắc

3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay

3.1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng – an ninh

3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân

3.3. Nâng cao ý thức trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân

Bài 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

1.2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc

2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh.

2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh, giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.4. kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

- 2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn
- 2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

- 3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân
- 3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
- 3.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong.

Bài 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- 1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

- 2.1. Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại
- 2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên
- 2.3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

Bài 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG – AN NINH

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam

- 1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp
- 1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay

- 2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
- 2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ
- 2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu
- 2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc
- 2.4. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam hiện nay

- 3.1 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh
- 3.2 Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh cho các đối tượng
- 3.3 Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong thời kỳ mới
- 3.4 Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới
- 3.5 Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp

Bài 7 : NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

- 1.1 Đất nước trong buổi đầu lịch sử
- 1.2 Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc
- 1.3 Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược (có thể cho sinh viên xem phim tài liệu)
- 1.4 Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

- 2.1 Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam
- 2.2 Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên

- 3.1 Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công
- 3.2 Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc
- 3.3 Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế
- 3.4 Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch
- 3.5 Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

15. Phương pháp đánh giá học phần

15.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm
- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm
- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

15.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:
- + Viết bài tiểu luận

- Hình thức: Viết bài theo cá nhân
- Thời gian: 60 phút

Bảng 15.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

15.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 15.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Nguyễn Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị nhà hàng & Dịch vụ ăn uống
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH

1. Tên học phần: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH

2. Mã học phần: CB601024

3. Số tín chỉ: 02

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết:

22 tiết

Thảo luận, kiểm tra:

08 tiết

Tự học:

60 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 2 (trong chương trình đào tạo)

Số tiết/ tuần: ... tiết

Tổng số tuần: ... tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Thể dục – Quân sự, Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Sinh viên đã học xong học phần (**Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam**)

7. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức: Những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

8. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

- Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

8.2. Về kỹ năng:

- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

8.3. Về thái độ:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức lớp học và giáo viên.

- Nghiêm túc tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.

- Xây dựng được ý thức tự học, góp phần thiết thực cho công tác học tập sinh hoạt rèn luyện bản thân có kết quả tốt.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhiệm vụ 1: Thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

- Nhiệm vụ 2: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.

- Nhiệm vụ 3: Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

10. Tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 1) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)

[2]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 1) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)

10.2. Tài liệu tham khảo

- *Tài liệu tham khảo chính*: Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới,

+ Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...

+ Thăm quan các bảo tàng Lịch sử Việt Nam, bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

+ Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới.

+ Đảng cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.

- + Chỉ thị số 18/2000/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận.
- + Bộ Tổng tham mưu, Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về luật Nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh về Lực lượng dân quân tự vệ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Chỉ thị 12 CT/Tw ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.
- + Pháp lệnh Động viên công nghiệp quốc phòng, 2003; Nghị định số 219/CP ngày 28/12/1961 của hội đồng chính phủ nay là CP); Nghị định Giáo dục quốc phòng – an ninh số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007.
- + Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2015

11. Trang, thiết bị dạy - học:

Phòng học, 01 bảng, 01 máy chiếu, tranh ảnh mô hình

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
	Trung bình	7,0 – 7,9	B	3,0
		6,5 – 6,9	C+	2,5
	Trung bình yếu	5,5 – 6,4	C	2,0
		5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0		
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

HỌC PHẦN II: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG – AN NINH.

Tổng số: 30 tiết, trong đó Lý thuyết: 22 tiết, Thảo luận, kiểm tra: 08 tiết; Tự học: 60 giờ

Bài 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “ DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

1.1. Khái niệm

1.2 Sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình”

1.3 Bạo loạn lật đổ

2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam

2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta

3.1. Mục tiêu

3.2. Nhiệm vụ

3.3. Quan điểm chỉ đạo

3.4 Phương châm tiến hành

4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

4.1. Đẩy lùi tệ nạn quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng XHCN trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ tổ quốc cho toàn dân

4.4. Xây dựng cơ sở chính trị- xã hội vững mạnh về mọi mặt

4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

- 4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch
- 4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Bài 2: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

- 1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ
- 1.2. Nội dung xây dựng dân quân tự vệ
- 1.3. Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

- 2.1. Khái niệm, vị trí vai trò
- 2.2. Những quan điểm nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
- 2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên
- 2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

3. Động viên công nghiệp Quốc phòng

- 3.1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp Quốc phòng
- 3.2. Một số nội dung động viên công nghiệp Quốc phòng
- 3.3. Thực hành động viên công nghiệp Quốc phòng
- 3.4. Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng

Bài 3: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Quốc gia

- 1.1. Một số khái niệm
- 1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Quốc gia

2. Xây dựng và bảo vệ biên giới Quốc gia

- 2.1. Biên giới Quốc gia
- 2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

3. Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới Quốc gia

- 3.1. Quan điểm
- 3.2. Trách nhiệm của công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới Quốc gia.

Bài 4: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

- 1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, nhà nước ta hiện nay

2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2. Nguồn gốc của tôn giáo

2.3. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN

2.4. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay

3. Đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

3.1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

3.2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

3.3. Giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Bài 5: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

2.1. Một số nét về tình hình an ninh quốc gia:

2.2. Tình hình về trật tự an toàn xã hội

3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới

3.1. Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn

3.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định

3.3. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam trong những năm tới

4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

4.1. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia

4.2. Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội

4.3. Các tai nạn, tệ nạn xã hội

5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

5.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

5.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ Quốc

5.3. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

6. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

6.1. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia trật tự, an toàn xã hội

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

1.1. Khái niệm phòng chống tội phạm

1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

1.3. Chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

1.4. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm

1.5. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội:

2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2. Chủ trương quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống

2.4. Trách nhiệm của nhà trường và học sinh, sinh viên trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.5. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

BÀI 7: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

1.1. Quan điểm quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ Quốc

3.1. Mỗi học sinh phải có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh – trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để

giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở, nền tảng cho sự phát triển của đất nước

3.2. Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú

3.3. Tích cực tham gia các phong trào bảo vệ an ninh, trật tự của địa phương

3.4. Luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia phòng chống tội phạm ở địa phương phát hiện những hiện tượng tiêu cực hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong trường và nơi cư trú kịp thời cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết

Bài 8: AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

1. Khái niệm, đặc điểm, bối cảnh nảy sinh

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm

1.3. Bối cảnh nảy sinh an ninh phi truyền thống

2. Nội dung

2.1. Biến đổi khí hậu

2.2. An ninh tài chính tiền tệ

2.3. An ninh năng lượng

2.4. An ninh môi trường

2.5. An ninh thông tin

2.6. An ninh nguồn nước

2.7. Vấn đề dân tộc

2.8. Vấn đề tôn giáo

2.9. Chủ nghĩa khủng bố

3. Ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

3.1. Quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước ta về ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

3.2. Những giải pháp cơ bản nhằm ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

15. Phương pháp đánh giá học phần

15.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm

- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm

- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

15.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

+ Viết bài tiểu luận

- Hình thức: Viết bài theo cá nhân

- Thời gian: 60 phút

Bảng 15.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

15.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 15.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 20

Ban Giám hiệu Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người soạn

Nguyễn Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị nhà hàng & Dịch vụ ăn uống
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUÂN SỰ CHUNG, CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG NGẮN VÀ SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

1. Tên học phần: QUÂN SỰ CHUNG, CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG NGẮN VÀ SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

2. Mã học phần: CB601024

3. Số tín chỉ: 3

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết: 20 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra): 65 tiết

Tự học: 170 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 2 (trong chương trình đào tạo)

Số tiết/ tuần: ... tiết

Tổng số tuần: ... tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Thể dục – Quân sự, Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc:

Sinh viên đã học xong học phần **Công tác quốc phòng an ninh**

7. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức: Bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương.

8. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

- Giáo dục và cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sử dụng bản đồ địa hình quân sự, thực hành bắn súng tiểu liên AK, huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh, hành động của từng người chiến đấu trong công sự, ngoài công sự
- Những kiến thức cơ bản về kỹ năng quân sự, nghiên cứu các bài thực hành sát với thực tế, biết các thao tác kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu, ứng dụng các kỹ thuật cần thiết góp phần đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

8.2. Về kỹ năng:

- Thực hành kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

8.3. Về thái độ:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm các yêu cầu của tổ chức lớp học và giáo viên.
- Nghiêm túc tự giác tích cực trong học tập và rèn luyện.
- Xây dựng được ý thức tự học, góp phần thiết thực cho công tác học tập sinh hoạt rèn luyện bản thân có kết quả tốt.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhiệm vụ 1: Thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
- Nhiệm vụ 2: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.
- Nhiệm vụ 3: Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

10. Tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình bắt buộc

- [1]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 1) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)
- [2]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 2) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)

10.2. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo chính:

- + Ba môn thể thao quân sự phối hợp / bản thảo: Nguyễn Huy Nhượng, NXB, QĐND, 1981
- + Các văn bản hiện hành về giáo dục quốc phòng – an ninh cho học sinh, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
- + Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2015

11. Trang, thiết bị dạy - học: Súng tiểu liên AK 30 khẩu, lựu đạn tập 100 quả, còi, cờ, mồi quay, bia, bảng, thao trường.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

HỌC PHẦN 3

QUÂN SỰ CHUNG, CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG NGẮN VÀ SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

Tổng số: 65 tiết, trong đó Lý thuyết: 20 tiết, Thực hành: 65 tiết; Tự học: 130 giờ

Bài 1: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ (trung đội)

1. Đội hình trung đội

- 1.1 Đội hình trung đội một hàng ngang
- 1.2 Đội hình trung đội hai hàng ngang
- 1.3 Đội hình trung đội ba hàng ngang
- 1.4 Đội hình trung đội một hàng dọc
- 1.5 Đội hình trung đội hai hàng dọc
- 1.6 Đội hình trung đội ba hàng dọc

2. Đổi hướng đội hình

- 2.1. Đổi hướng đội hình khi quay tại chỗ
- 2.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

3. Thực hành

Bài 2: SỬ DỤNG BẢN ĐỒ QUÂN SỰ

1. Khái niệm, ý nghĩa

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. ý nghĩa

2. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình

- 2.1. Phân loại đặc điểm công dụng
- 2.2. Đặc điểm khung bản đồ và ghi chú xung quanh

3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình

- 3.1. Tỷ lệ bản đồ
- 3.2. Phép chiếu bản đồ

4. Cách chia mảnh và ghi số hiệu bản đồ

- 4.1. Theo phương pháp chiếu đồ Gauss
- 4.2. Cách chia mảnh và ghi số hiệu bản đồ UTM

5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ

- 5.1. Chắp ghép bản đồ
- 5.2. Dán gấp bản đồ
- 5.3. Giữ gìn bảo quản bản đồ

6. Sử dụng bản đồ

- 6.1. Đo cự ly, diện tích trên bản đồ
- 6.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu
- 6.3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa
- 6.4. Đối chiếu bản đồ với thực địa

Bài 3: PHÒNG CHỐNG DỊCH TIẾN CÔNG HỎA LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao

2.1. Biện pháp thụ động

2.2. Biện pháp chủ động

Bài 4: BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP

1. Điều lệ

1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu

1.1.1. Đặc điểm

1.1.2. Điều kiện thi đấu

2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi

2.1. Trách nhiệm của người dự thi

2.2. Quyền hạn của người dự thi

3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

3.1. Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng)

3.2. Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)

4. Thủ tục khiếu nại

5. Xác định thành tích xếp hạng

6. Quy tắc thi đấu

6.1. Quy tắc chung

6.2. Quy tắc thi đấu các môn

6.2.1. Bắn súng quân dụng

6.2.2. Ném lựu đạn xa đúng hướng

6.2.3. Chạy vũ trang

7. Cách tính thành tích

7.1. Cách tính điểm và xếp hạng

7.2. Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản

Bài 5: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU TIẾN CÔNG

1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

1.1. Nhiệm vụ

1.2. Yêu cầu chiến thuật

2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ

2.1. Hiểu rõ nhiệm vụ

2.2. Làm công tác chuẩn bị

3. Thực hành chiến đấu

3.1. Vận động đến gần địch

3.2. Cách đánh từng loại mục tiêu

4. Hành động của từng người khi đánh chiếm được mục tiêu

Bài 9: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU PHÒNG NGỰ

.1. Đặc điểm tiến công của địch

.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật

4.3. Sau mỗi lần đánh bại địch tiến công

9.2.2. Yêu cầu chiến thuật

9.3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ

.3.1 Hiểu rõ nhiệm vụ

.3.1 Làm công tác chuẩn bị

4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu

.4.1. Khi địch chuẩn bị tiến công

4.2. Khi địch tiến công

9.2.1. Nhiệm vụ

Bài 7: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

1. Ngắm bắn

1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm, đường ngắm đúng

1.1. Khái niệm về ngắm bắn

1.3. Thứ tự thực hành ngắm

1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn

2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK

2.1. Động tác nằm bắn

2.2. Động tác bắn

2.3. Động tác thôi bắn

3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK

3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu

3.2. Phương án tập bắn

3.3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm

3.4. Thực hành tập bắn

3.5. Điều kiện kiểm tra và thành tích

3.6. Kế hoạch luyện tập

Bài 8: KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰ ĐẠN

1. Một số loại lựu đạn phổ biến

1.1 Lựu đạn cần 97 Việt Nam

1.2 Lựu đạn Φ -1 (phi-1)

2. Quy tắc chung sử dụng lựu đạn

2.1 Sử dụng, giữ gìn lựu đạn thật

2.2 Sử dụng lựu đạn trong huấn luyện

3. Tư thế động tác ném

3.1 Đứng ném lựu đạn

3.2 Ném lựu đạn khi đang vận động

4. Một số động tác hỗ trợ cho tập ném lựu đạn

4.1 Tập sức vút của tay và sức rướn của thân người

4.2 Tập cơ bụng

5. Thực hành

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1									2	1	1	1

15.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm

- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm

- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

15.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

+ Kiểm tra kỹ năng thực hành quân sự

- Hình thức: Thực hành

- Thời gian: 05 phút

Bảng 15.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Thực hành chuẩn xác các kỹ năng	10
Tổng điểm			10

15.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 15.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Thực hành chuẩn xác các kỹ năng	10
Tổng điểm			10

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp thực hành.

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Nguyễn Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Quản trị nhà hàng & Dịch vụ ăn uống
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN BINH CHUNG

1. Tên học phần: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN BINH CHUNG

2. Mã học phần: CB601024

3. Số tín chỉ: 01

Học phần: *Bắt buộc*

Lý thuyết:

10 tiết

Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra):

10 tiết

Tự học:

40 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 2 (trong chương trình đào tạo)

Số tiết/ tuần: ... tiết

Tổng số tuần: ... tuần

5. Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Thể dục – Quân sự, Khoa Khoa học cơ bản

6. Điều kiện ràng buộc: Sinh viên đã học xong học phần **Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn**

7. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức: Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng và tổ chức tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...

8. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

- Sinh viên có những hiểu biết về các nội dung cơ bản của quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam
- Hiểu được những kiến thức cơ bản về hoạt động thực tiễn của các đơn vị thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

8.2. Về kỹ năng:

- Có khả năng nhận thức và bổ sung kiến thức về đặc thù của lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

- Vận dụng các kỹ năng cơ bản đã được học để trực tiếp giao lưu, học hỏi, sinh hoạt trong môi trường Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.
- Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.

8.3. Về thái độ:

- Chấp hành tốt kỷ luật. Có ý thức chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối quân sự xây dựng của Đảng.
- Luôn xác định động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo.
- Có khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhiệm vụ 1: Thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
- Nhiệm vụ 2: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.
- Nhiệm vụ 3: Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

10. Tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình bắt buộc

- [1]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 1) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)
- [2]. Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (tập 2) (dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, NXB GD- 2014)

10.2. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo chính:

- + Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới,
- + Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997...
- + Thăm quan các bảo tàng Lịch sử Việt Nam, bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, bảo tàng Cách mạng Việt Nam.
- + Các văn kiện của Đảng; các tài liệu chính thống về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới.
- + Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2015

11. Trang, thiết bị dạy - học: Phòng học, 01 bảng, 01 máy chiếu, tranh ảnh mô hình

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày

15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5	
	4,0 – 4,9	D	1,0	
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

HỌC PHẦN IV: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QUÂN BINH CHỦNG.

Tổng số: 20 tiết, trong đó Lý thuyết: 10 tiết, Thảo luận, kiểm tra: 10 tiết; Tự học: 40 giờ

Bài 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG CÁC QUÂN, BINH CHỦNG

1. Giới thiệu về cơ cấu tổ chức của Lực lượng vũ trang Việt Nam
2. Giới thiệu về tổ chức lực lượng một số quân, binh chủng.

Bài 2: LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG QUÂN, BINH CHỦNG

1. Lịch sử, truyền thống một số quân, binh chủng

thức trước khi nghe giảng.

Bài 3: THAM QUAN CÁC HỌC VIỆN, NHÀ TRƯỜNG, ĐƠN VỊ, BẢO TÀNG...

3.1. Vị trí, đặc trưng của đơn vị đến thăm quan.

3.2. Thực tế sinh hoạt, công tác tại môi trường quân đội (công an).

Bài 4: VIẾT THU HOẠCH

Đọc, tìm hiểu về đơn vị trước khi đi thực tiễn.

15. Phương pháp đánh giá học phần

15.1. Đánh giá chuyên cần

- Số buổi đi học đầy đủ: 3 điểm

- Tích cực trao đổi, tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên: 4 điểm

- Ý thức tự học thực hiện nhiệm vụ học tập được giao, sau giờ lên lớp: 3 điểm

15.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

+ Viết bài tiểu luận

- Hình thức: Viết bài theo cá nhân

- Thời gian: 60 phút

Bảng 15.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

15.3. Thi kết thúc học phần

Bảng 15.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết.

Quảng Ninh, ngày tháng năm

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản trị quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NGHIỆP VỤ VĂN PHÒNG

1. Tên môn học: NGHIỆP VỤ VĂN PHÒNG

2. Mã học phần:

3. Số lượng tín chỉ: 2

Học phần: Tự chọn

4. Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 15 tiết

Thực hành, thảo luận, kiểm tra: 15 tiết

Tự học: 30 giờ

5. Bộ môn phụ trách:

6. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học này nằm trong phần nhóm kiến thức bổ trợ thuộc phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Được học sau phần kiến thức cơ sở khối ngành, ngành và chuyên ngành.

7. Mục tiêu môn học:

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về văn phòng và công tác văn phòng nói chung và các nghiệp vụ văn phòng nói riêng, để sinh viên có những hiểu biết cần thiết để bổ trợ cho các môn học chuyên ngành khác và phục vụ cho công tác thực tế sau này.

- Kết thúc môn học mỗi sinh viên phải hiểu và thực hành được các nghiệp vụ văn phòng cụ thể, đặc biệt phải soạn được các loại hình văn bản khác nhau.

Kiến thức: Sinh viên hiểu và phân biệt được các dạng văn bản hành chính, nắm được các yếu tố thể thức văn bản cần có của văn bản hành chính và cách thức soạn thảo, ban hành văn bản trong hoạt động của tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp.

Kỹ năng: Sinh viên nắm được các kỹ năng cơ bản về soạn thảo, trình bày trên máy vi tính và trình tự ban hành văn bản trong hoạt động của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, cụ thể như kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính, các loại hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... và quy trình ban hành văn bản.

Thái độ: Sinh viên cần có thái độ học tập tích cực để rèn luyện các kỹ năng của môn học.

8. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Học phần cung cấp cho sinh viên những yêu cầu trong soạn thảo văn bản và quy trình soạn thảo văn bản. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kỹ năng trình bày và

soạn thảo các văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là việc soạn thảo các hợp đồng kinh tế.

9. Nhiệm vụ của sinh viên.

- Lên lớp nghe giảng theo quy chế.
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.
- Làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Có đầy đủ bài kiểm tra điều kiện và thi hết học phần.

10. Tài liệu học tập (sách và giáo trình chính; tài liệu tham khảo)

- Giáo trình *Hành chính văn phòng* - Học viện hành chính quốc gia
- Giáo trình *Công tác văn thư, lưu trữ* và *Soạn thảo văn bản* của Nhà xuất bản giáo dục
- Nghị định 110/ 2004/NĐ - CP ngày 08 tháng 04 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Thông tư 55/2005/TTLT - BNV- VPCP ngày 6 tháng 5 năm 2005 của Bộ nội vụ Văn Phòng Chính phủ về soạn thảo văn bản.

11. Trang, thiết bị dạy - học:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng
- Tập bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo
- Hình ảnh minh họa, Bài trình chiếu, bút chỉ laser,...

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Hạ Long, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu mỗi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.
- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.
- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Hạ Long như sau:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC VĂN PHÒNG

Tổng số: 10 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thực hành: 5 tiết; Tự học: 10 giờ.

I. Khái niệm về văn phòng:

1. Khái niệm về công sở:
2. Khái niệm về công vụ:
3. Khái niệm về văn phòng:

a. Theo quan niệm cũ

b. Theo quan niệm mới

II. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của văn phòng:

1. Vị trí:
2. Chức năng:
 - *Tham mưu, tổng hợp*
 - *Hậu cần, quản trị*
3. Nhiệm vụ:
 - *Nhiệm vụ thuộc công tác văn thư*
 - *Nhiệm vụ thuộc công tác thông tin, liên lạc*
 - *Nhiệm vụ thuộc công tác tiếp và đãi khách*
 - *Nhiệm vụ thuộc công tác tổ chức hội họp*
 - *Nhiệm vụ thuộc công tác yểm trợ hành chính khác*
4. Cấu trúc của văn phòng hiện đại
 - *Các trang thiết bị văn phòng*
 - *Con người văn phòng*
 - *Các tác nghiệp trong văn phòng*
5. Tổ chức của văn phòng:

a. Khái niệm tổ chức

- Theo quan niệm hệ thống
- Theo quan niệm quản lý
- Theo quan niệm xã hội

b. Nguyên tắc

- Tính công khai
- Tính liên tục
- Tính cụ thể
- Tính dân chủ

c. Mô hình tổ chức

- Đối với cơ quan có quy mô nhỏ, vừa
- Đối với cơ quan có quy mô lớn

5. Hiện đại hoá công tác văn phòng:

a. Sự cần thiết phải hiện đại hoá công tác văn phòng

b. Nội dung hiện đại hoá công tác văn phòng

- Từng bước hiện đại hoá
- Tin học hoá
- Viễn thông hoá

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC VĂN PHÒNG

Tổng số: 10 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thực hành: 5 tiết; Tự học: 10 giờ.

I. Công tác văn thư:

1. Khái niệm

2. Nội dung

- Soạn thảo văn bản
- Quản lý văn bản
- Quản lý con dấu

3. Yêu cầu

- Nhanh chóng
- Chính xác
- Bí mật
- Hiện đại

4. Vị trí

5. Ý nghĩa

- Cung cấp thông tin nhanh, chính xác
- Hạn chế bệnh quan liêu, giấy tờ
- Là chứng cứ pháp lý của cơ quan

- Là nguồn tài liệu quý giá của công tác lưu trữ

II. Công tác lưu trữ cơ quan:

1. Những khái niệm chung

2. Nguyên tắc lập hồ sơ

- *Đúng chức năng, nhiệm vụ*

- *Bảo đảm tính thống nhất, lôgic của văn bản*

- *Bảo đảm tính pháp lý*

3. Trình tự lập hồ sơ

- *Mở hồ sơ*

- *Thu thập văn bản tài liệu*

- *Sắp xếp các văn bản tài liệu*

- *Hoàn thiện hồ sơ*

4. Tác dụng của công tác lưu trữ

- *Đối với cá nhân*

- *Đối với lãnh đạo*

- *Đối với cơ quan*

CHƯƠNG 3. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Tổng số: 10 tiết, trong đó Lý thuyết: 5 tiết, Thực hành: 5 tiết; Tự học: 10 giờ.

I. Khái niệm về văn bản:

1. Khái niệm trước đây

2. Khái niệm ngày nay

3. Phân loại văn bản

a. *Văn bản quy phạm pháp luật*

b. *Văn bản hành chính thông thường*

II. Thẩm quyền, thủ tục ban hành văn bản:

1. Thẩm quyền

- *Thẩm quyền ban hành văn bản*

- *Thẩm quyền ký văn bản*

- *Thẩm quyền sửa đổi và bãi bỏ văn bản*

2. Thủ tục

- *Thủ tục trình ký*

- *Thủ tục sao văn bản*

III. Kỹ thuật soạn thảo hình thức văn bản

1. Khái niệm về thể thức

2. Thể thức chung của văn bản

3. Mẫu trình bày văn bản

- *Mẫu trình bày văn bản quy phạm pháp luật*

- *Mẫu trình bày văn bản hành chính*

IV. Kỹ thuật soạn thảo nội dung văn bản

1. Yêu cầu về nội dung của văn bản
 - Thể chế hoá pháp luật và cụ thể hoá văn bản của cấp trên
 - Tính khoa học
 - Tính đại chúng
 - Tính khả thi
2. Yêu cầu về kết cấu của văn bản
 - Kết cấu chủ đề
 - Kết cấu dàn bài
 - Kết cấu ý tưởng
3. Yêu cầu về diễn đạt hành văn
 - Sử dụng từ ngữ
 - Sử dụng ngữ pháp

V. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính

- 1 Soạn thảo thông báo
2. Soạn thảo báo cáo
3. Soạn thảo tờ trình
4. Soạn thảo biên bản hội nghị
5. Soạn thảo công văn

14. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)	
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	3

- (1) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;
- (2) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;
- (3) Điểm đánh giá phần thực hành (nếu có);
- (4) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)
- (5) Điểm thi giữa học phần;
- (6) Điểm tiểu luận (nếu có);

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn